

Số: /BC-UBND

TP. Hưng Yên, ngày tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới đến hết năm 2018 của thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Hưng Yên

Thành phố Hưng Yên là trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế và khoa học kỹ thuật của tỉnh Hưng Yên, nằm ở phía Nam của tỉnh Hưng Yên, trung tâm thành phố cách Thủ đô Hà Nội khoảng 60km về phía Tây Bắc; cách thành phố Hải Dương 50km về phía Đông Bắc; cách thành phố Thái Bình 50km về phía Đông Nam; cách thành phố Phủ Lý 25km về phía Tây Nam; phía Bắc giáp huyện Kim Động, phía Đông và phía Nam giáp huyện Tiên Lữ, phía Tây giáp tỉnh Hà Nam. Ngày 17/7/2007, thị xã Hưng Yên (nay là thành phố Hưng Yên) được Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại III theo quyết định 1012/QĐ-BXD; ngày 19/01/2009, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định 04/NĐ-CP thành lập thành phố Hưng Yên trực thuộc tỉnh Hưng Yên trên cơ sở diện tích, dân số của thị xã Hưng Yên cũ; ngày 06/8/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 95/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Kim Động, Tiên Lữ để mở rộng địa giới hành chính thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, theo đó Thành phố Hưng Yên có 17 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 07 phường và 10 xã), trong đó 02 phường đã hoàn toàn đô thị hóa (phường Quang Trung và phường Lê Lợi); 05 phường đang trong quá trình đô thị hóa (vẫn còn một phần đất sản xuất nông nghiệp là các phường: Lam Sơn, Hồng Châu, Minh Khai, An Tảo và Hiến Nam). Diện tích tự nhiên thành phố 7.342,07ha (trong đó: Đất nội thành 2.026,36 ha, đất ngoại thành 5.315,71 ha). Đất nông nghiệp 3.492 ha, Đất phi nông nghiệp 3.790ha, Đất chưa sử dụng 60,07ha. Qui mô dân số: Có khoảng 130.000 người; trong đó dân số nội thành trên 65.000 người; dân số ngoại thành trên 65.000 người.

Thành phố Hưng Yên có truyền thống lâu đời trong lịch sử với tiền thân là một trong những đô thị cổ nổi tiếng của nước ta và được hình thành và phát triển từ thế kỷ 16 được mệnh danh là “Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến”; đến nay thành phố Hưng Yên vẫn còn lưu giữ 128 di tích cổ, trong đó có 17 di tích đã được nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa Quốc gia và 8 di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh; trên địa bàn có Khu di tích Phố Hiến được xếp hạng di tích

Quốc gia đặc biệt (năm 2014); trong đó có nhiều di tích nổi tiếng như Văn Miếu, Đền Trần, Đền Mẫu, Chùa Chuông,... các di tích hàng năm thường xuyên được trùng tu tôn tạo. Hiện nay thành phố đang tổ chức triển khai thực hiện các dự án thành phần trong Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo phát huy giá trị đô thị cổ Phố Hiến gắn với phát triển du lịch; đây là một trong những dự án trọng điểm của tỉnh, được đầu tư bảo tồn, tôn tạo sẽ góp phần phát triển hoàn thiện không gian kiến trúc và phát huy giá trị Phố Hiến cổ, góp phần vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và thành phố Hưng Yên nói riêng.

- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội: Trong những năm qua Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố đã nỗ lực tập trung khai thác mọi nguồn lực nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng đầu tư xây dựng, kiến thiết về hạ tầng đô thị đi đôi với việc xây dựng nông thôn mới. Nhờ vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm tăng trưởng khá, bình quân tăng trưởng kinh tế giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2018 của thành phố luôn duy trì, ổn định ở mức trên 11,15%/năm; trong đó tăng trưởng kinh tế khu vực nông thôn của thành phố duy trì khoảng 9,5%/năm; tốc độ tăng trưởng được tính theo 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015 tăng trưởng kinh tế của thành phố luôn đạt trên 10,6%/năm; trong đó giá trị sản xuất nông nghiệp - thủy sản đạt 845 tỷ đồng, tăng 2,63%/năm; Thương mại, dịch vụ, du lịch phát triển đa dạng, phong phú, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt trên 16,38%/năm. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng có bước phát triển mới, giá trị sản xuất tăng bình quân 10,44%/năm; tính đến năm 2015 thu nhập bình quân đầu người toàn thành phố đạt trên 41 triệu đồng/năm; tỷ lệ hộ nghèo còn 2,9%; thu ngân sách trên địa bàn đạt 850 tỷ đồng.

+ Giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018 tăng trưởng kinh tế đạt 11,8%/năm; trong đó giá trị sản xuất nông nghiệp - thủy sản đạt 1.021 tỷ đồng, tăng 3,37%; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 7.046 tỷ đồng, tăng 11,2%/năm; giá trị thương mại - dịch vụ đạt 5.924 tỷ đồng, tăng 16,5%/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp và giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp, tỷ trọng nông nghiệp, thủy sản 7,3% - công nghiệp, xây dựng 50,36% - thương mại, dịch vụ 42,34%. Năm 2018 tổng thu ngân sách trên địa bàn thành phố đạt 1.626 tỷ đồng; tổng sản phẩm bình quân đầu người toàn thành phố đạt trên 62,5 triệu đồng/năm; tỷ lệ hộ nghèo toàn thành phố còn 1,97%; tạo việc làm mới cho trên 2.600 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 65%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 85%; phường, xã đạt chuẩn quốc gia về y tế duy trì 100%; tỷ lệ hộ dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh: Nội thành 100%, ngoại thành 97%. Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia 30/57 trường.

- Tình hình phát triển các ngành dịch vụ, du lịch:

+ Các ngành dịch vụ như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, vận tải, bưu chính viễn thông, chứng khoán khá phát triển. Hệ thống các cửa hàng tự chọn, siêu thị tổng hợp, siêu thị chuyên ngành cùng các trung tâm mua bán hàng hóa, khai thác có hiệu quả; toàn thành phố có 9 siêu thị, trên 100 cửa hàng tự chọn, gần 100 khách sạn, nhà nghỉ, trên 500 nhà hàng, đáp ứng được nhu cầu phục vụ Hội nghị, hội thảo, hội chợ và khách du lịch đến thăm quan, nghỉ dưỡng.

+ Du lịch: Thành phố Hưng Yên được biết đến với khu du lịch nổi tiếng Phố Hiến với 128 di tích lịch sử văn hóa, trong đó 25 di tích đã được xếp hạng; lượng khách du lịch đến thành phố tăng bình quân 16%/năm, trong đó lượng khách quốc tế tăng 17% số lần so với năm 2010.

- Về xây dựng cơ sở hạ tầng: Thành phố đã tập trung đầu tư, huy động mạnh mẽ các nguồn lực tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, nhất là các dự án, công trình trọng điểm, góp phần giải quyết kịp thời các vấn đề quan tâm của nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, cũng triển khai xây dựng các công trình, tạo điểm nhấn cho đô thị; tiến hành chỉnh trang lại một số hạng mục đô thị ngày càng khang trang hơn. Hệ thống kết cấu hạ tầng được chú trọng xây dựng, cải tạo và nâng cấp; hệ thống điện, cấp thoát nước, giao thông, vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị đã được quan tâm đầu tư. Đã cơ bản hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp và bàn giao lưới điện hạ áp nông thôn cho ngành điện quản lý, ngành sản xuất vật liệu và thi công xây dựng có bước phát triển khá, các sản phẩm tiêu thủ công nghiệp, chế biến nông sản được khuyến khích phát triển, nhiều sản phẩm như hương thơm, long nhãn, hạt sen, mứt ô mai các loại,... được bình chọn là sản phẩm nông nghiệp, tiêu thủ công nghiệp tiêu biểu cấp tỉnh và cấp vùng như hương thơm, mật ong, long nhãn, hạt sen. Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa giá trị gia tăng cao.

Được sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền từ tỉnh, thành phố đến cơ sở về ưu tiên, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, đặc biệt là chủ trương phát triển sản xuất, khuyến khích nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tích tụ ruộng đất, vận động thành lập các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển làng nghề nông thôn... đồng thời áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; Giá trị thu được bình quân đạt 200 triệu đồng/ ha canh tác; do vậy từ năm 2011 đến nay thu nhập người dân khu vực nông thôn có được sự phát triển vượt bậc. Năm 2011 thu nhập bình quân khu vực nông thôn của thành phố là 17 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo là 5,4%; đến năm 2018 thu nhập đã nâng lên trên 45 triệu đồng/người; tỷ lệ hộ nghèo còn 2,65% (theo tiêu chí hộ nghèo đa chiều). Diện mạo đô thị nông thôn ngày càng được khởi sắc, đường làng, ngõ xóm ngày càng phong quang, sạch đẹp, các công trình

xây dựng nhà ở nông thôn ngày một khang trang, góp phần tạo nên cảnh quan khu vực nông thôn giàu đẹp, trù phú.

Chương trình xây dựng nông thôn mới được cấp ủy, chính quyền từ thành phố đến cơ sở tập trung lãnh đạo, triển khai thực hiện và được nhân dân tích cực hưởng ứng, mang lại kết quả tích cực; tổng nguồn vốn đầu tư cho xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố đến hết năm 2018: 2.153.034 triệu đồng; thành phố đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm tăng nguồn lực cho cơ sở như: Để lại cho xã 100% tiền đấu giá quyền sử dụng đất mà thành phố được hưởng; đồng thời tăng cường chỉ đạo xử lý đất dôi dư; hỗ trợ kinh phí mua đá, cát để làm đường giao thông nông thôn (theo cơ chế tỉnh hỗ trợ xi măng; thành phố hỗ trợ cát, đá; UBND xã giải phóng mặt bằng và tổ chức thi công). Với sự phát triển của khu vực nông thôn, từ năm 2011 đến năm 2018, qua các năm phấn đấu, đến nay 10/10 xã của thành phố Hưng Yên đã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đồng thời thành phố Hưng Yên đến thời điểm hiện tại không còn nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

(Một số chỉ tiêu kinh tế có phụ lục số 01 và các hình ảnh minh họa, Videoclip về kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố kèm theo)

2. Thuận lợi:

Do vị trí thành phố Hưng Yên là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh nên được sự quan tâm, chú trọng đầu tư về hạ tầng, nhất là về hạ tầng xây dựng nông thôn. Bên cạnh đó, mạng lưới giao thông đường bộ, đường thủy nội địa huyết mạch chạy qua (tuyến đường quốc lộ 38, 39, tuyến đường bộ nối với hai đường cao tốc đoạn qua thành phố Hưng Yên và tuyến đường thủy sông Hồng, sông Luộc) nên cũng là điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Diện tích đất đai khu vực nông thôn phì nhiêu, màu mỡ, thuận lợi cho sự phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, có thương hiệu như: Nhãn lồng, mật ong, long nhãn, hạt sen, cam...; đồng thời với địa hình ven sông Hồng, sông Luộc việc phát triển thế mạnh là nuôi và khai thác thủy sản trên sông mang lại nguồn thu lớn cho sản xuất nông nghiệp và thủy sản.

3. Khó khăn:

Năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 95/NQ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính các huyện Kim Động, Tiên Lữ để mở rộng địa giới hành chính thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Theo đó, thành phố Hưng Yên được sáp nhập thêm 05 xã; do điều kiện đặc thù, xuất phát điểm sau sáp nhập về kinh tế - xã hội của 05 xã mới còn nhiều hạn chế, khoảng cách thu nhập bình quân đầu người giữa nông thôn và thành thị lúc sáp nhập tương đối lớn, bên cạnh đó cơ sở hạ tầng khu vực nông thôn các xã mới sáp nhập còn hạn chế, nhiều hạng mục công trình đã xuống cấp cần đầu tư để thúc đẩy phát triển

kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; cùng với khó khăn chung đó, nguồn lực của thành phố nhất là về nguồn ngân sách đầu tư xây dựng không thể đáp ứng yêu cầu cùng một thời điểm đầu tư toàn bộ cho các xã, do đó có ảnh hưởng một phần đến tiến độ thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Căn cứ của Trung ương:

- Nghị quyết số 26/NQ-TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về Nông nghiệp, Nông dân, Nông thôn;

- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

- Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

- Thông tư số 35/2016/TT- BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 05/2017/TT- BNNPTNT ngày 01/03/2017 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 69/QĐ- BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông Nghiệp và PTNT về việc Ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Căn cứ của tỉnh và thành phố:

- Nghị quyết 02/NQ-TU ngày 10/5/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIII về Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết 06/NQ-TU ngày 27/6/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng công

nghiệp hóa, hiện đại hóa, giá trị gia tăng cao, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 12/04/2010 của UBND tỉnh Hưng Yên về phê duyệt Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2010-2020, định hướng đến 2030;

- Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 29/10/2010 và Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 07/9/2011 về Kế hoạch xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2015;

- Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 61/KH-UBND, ngày 01/3/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 3202/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc ban hành một số Quy định và hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 39/KH-UBND, ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên năm 2018;

- Chương trình số 07-CTr/TU ngày 16/8/2011 về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố Hưng Yên giai đoạn 2011- 2020, định hướng 2030 và Chương trình số 23-CTr/TU ngày 19/8/2014 về điều chỉnh bổ sung xây dựng nông thôn mới thành phố giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 27/4/2018 của UBND thành phố Hưng Yên về việc xây dựng nông thôn mới thành phố Hưng Yên năm 2018.

III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG NTM TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Sau khi Trung ương và tỉnh ban hành Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng trong công tác xây dựng nông thôn mới; UBND thành phố triển khai thực hiện một cách tích cực, đã đề xuất Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố ban hành Chương trình số 07-CTr/TU ngày 16/8/2011 về Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố Hưng Yên giai đoạn 2011- 2020, định hướng 2030; tiếp đó căn cứ tình hình thực tế của địa phương khi sáp nhập địa giới hành chính, UBND thành phố tiếp tục đề xuất Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố ban hành Chương trình số 23-CTr/TU ngày 19/8/2014 về điều chỉnh bổ sung xây dựng nông thôn mới thành phố giai đoạn 2014 - 2020, định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố đã ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (*sau*

đây gọi tắt là BCD thành phố), đến nay UBND thành phố đã 05 lần kiện toàn Ban chỉ đạo nhằm kịp thời đáp ứng các yêu cầu trong công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM; đồng thời ban hành thông báo phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên BCD. Bên cạnh đó, nhằm thực hiện tốt công tác xây dựng NTM, UBND thành phố đã thành lập Văn phòng điều phối xây dựng NTM và 01 Tổ thẩm định giúp Ban chỉ đạo thẩm định Đồ án và Đề án xây dựng nông thôn mới.

Trên cơ sở thành lập Ban chỉ đạo thành phố, để nâng cao hiệu quả công tác tổ chức, triển khai thực hiện, UBND thành phố đã chỉ đạo và hướng dẫn UBND các xã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới xã, Ban quản lý cấp xã, Ban giám sát và Ban phát triển thôn. Ban chỉ đạo thành phố và các xã sau khi thành lập, trên cơ sở các quy định, hướng dẫn trong công tác xây dựng NTM, đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, quy định và mục tiêu kế hoạch theo giai đoạn và hàng năm đề ra.

Giai đoạn từ năm 2011 - 2018, UBND thành phố, BCD thành phố đều ban hành kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể, bên cạnh kế hoạch theo các mốc giai đoạn gồm 2011 - 2015 và 2016 - 2020, hàng năm căn cứ tình hình triển khai thực hiện, thành phố đều ban hành kế hoạch để thực hiện cụ thể cho từng năm. Định kỳ hàng quý, BCD thành phố đều tổ chức họp, kiểm điểm tiến độ thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc phấn đấu đạt các tiêu chí NTM của các xã. Đến nay cơ quan Thường trực Văn phòng điều phối xây dựng NTM thành phố đã tham mưu giúp BCD thành phố ban hành 83 văn bản chỉ đạo và văn bản hướng dẫn UBND các xã triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng NTM (*chi tiết có phụ lục số 02 kèm theo*); đồng thời Văn phòng điều phối xây dựng NTM thành phố đã chủ động giúp BCD thành phố theo dõi, kiểm tra, đôn đốc UBND các xã thực hiện nhiệm vụ xây dựng NTM đảm bảo tiến độ, chất lượng đề ra. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Ban chỉ đạo XDNTM tỉnh định kỳ và đột xuất theo quy định, đã tham mưu tổ chức họp sơ kết và thường kỳ để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

2.1. Công tác truyền thông:

Công tác tuyên truyền được thực hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, băng zôn, khẩu hiệu đồng thời thường xuyên lồng ghép tuyên truyền tới nhân dân tại các cuộc họp cơ sở, các hội nghị, các buổi tiếp xúc cử tri... Từ năm 2011 đến nay, Đài truyền thanh thành phố đã xây dựng và đưa trên 552 tin, bài; phòng Kinh tế thành phố và UBND các phường, xã đã tổ chức 37 buổi tuyên truyền về công tác xây dựng nông thôn mới. Cổng thông tin điện tử thành phố đi vào hoạt động từ năm 2017 đã tuyên truyền được 66 tin, bài; đồng thời đài

truyền thanh các xã tổ chức tuyên truyền hàng trăm tin, bài mỗi năm về công tác xây dựng nông thôn mới. Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể của thành phố đã phối hợp tổ chức, lồng ghép tổ chức tuyên truyền xây dựng nông thôn mới được khoảng 61 hội nghị tuyên truyền với khoảng trên 5.000 lượt người tham dự. Thực hiện “Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020, định hướng 2030” và cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới”. Năm 2011, UBND thành phố tổ chức phát động phong trào thi đua chung sức xây dựng nông thôn mới. Tháng 02/2012, UBND thành phố tổ chức Hội nghị phát động phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới và tổ chức ký kết giao ước thi đua phân đầu hoàn thành xây dựng nông thôn mới tới 05 xã (*tại thời điểm phát động thành phố Hưng Yên có 05 xã*); đồng thời phát động phong trào xây dựng nông thôn mới đến mọi người dân trên địa bàn thành phố. Năm 2018, thành phố phát động phong trào “Chiều thứ 6 vì thành phố Hưng Yên sạch – đẹp”, với trọng tâm là vận động nhân dân tự giác vệ sinh môi trường xung quanh nơi sinh sống góp phần giữ gìn cảnh quan sạch đẹp, môi trường trong lành. Nhờ chú trọng trong công tác tuyên truyền, từ năm 2011 đến nay, công tác xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố đã được sự ủng hộ, đồng thuận chung tay, góp sức của đông đảo các tầng lớp nhân dân, các tổ chức, các doanh nghiệp trong và ngoài thành phố.

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn:

Từ năm 2011 đến tháng 12/2018: các đơn vị của thành phố (Phòng Kinh tế, Hội liên hiệp Phụ Nữ, Hội nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên thành phố) phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc Sở NN&PTNT tỉnh tổ chức 26 lớp tập huấn cho 10.165 lượt người tham dự, trong đó: 08 lớp tập huấn công tác xây dựng NTM cho các thành viên tham gia xây dựng NTM cấp thành phố và cấp xã; 01 lớp cho cán bộ nông nghiệp và HTX về Luật HTX năm 2012; 01 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức cho chủ trang trại, gia trại; 02 lớp về tập huấn phổ biến kiến thức về Luật vệ sinh ATTP lĩnh vực nông lâm - thủy sản; 14 lớp tập huấn về công tác phát triển sản xuất nâng cao thu nhập.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới:

Sau 08 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Trung ương, tỉnh, thành phố, các xã và nhân dân đã đầu tư vào lĩnh vực Nông nghiệp - Nông dân - Nông thôn với tổng kinh phí khá lớn.

Kết quả huy động nguồn lực giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 12/2018 là 2.153.034 triệu đồng, gồm:

- | | |
|-------------------------|----------------------------------|
| - Ngân sách Trung ương: | 23.444 triệu đồng; chiếm 1,09% |
| - Ngân sách tỉnh: | 275.649 triệu đồng; chiếm 12,8% |
| - Ngân sách thành phố: | 422.341 triệu đồng; chiếm 19,61% |

- Ngân sách xã: 110.554 triệu đồng; chiếm 5,13 %
- Vốn từ doanh nghiệp: 109.231 triệu đồng; chiếm 5,07%
- Nguồn vốn vay tín dụng: 132.365 triệu đồng; chiếm 6,15%
- Vốn đầu tư của nhân dân: 1.079.450 triệu đồng, chiếm 50,15%.

Trong đó vốn huy động từ nhân dân đóng góp để xây dựng nông thôn mới: Có 1.405 hộ hiến đất làm đường giao thông, với diện tích 46.252 m², gồm: 28.993 m² đất ở, 17.259 m² đất canh tác và đóng góp ngày công lao động, vật tư khác trị giá 51.170 triệu đồng.

(Nguồn lực đầu tư cho xây dựng NTM, *Chi tiết tại phụ lục 03, 04 kèm theo*).

IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA THÀNH PHỐ

1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn thành phố: 10 xã.
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đến cuối năm 2018: 10 xã.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

(*Có phụ lục số 05, 06 kèm theo*)

2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã:

2.1. Công tác lập, tổ chức thực hiện quy hoạch:

Về quy hoạch: Thành phố đã thực hiện quy hoạch chung cho toàn thành phố, trong đó có quy hoạch trường học, cây xanh đô thị; quy hoạch các khu chức năng; xây dựng Quy định tạm thời về tiêu chí tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn thành phố... Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 04/12/2012. Công tác xây dựng và chỉnh trang đô thị có chuyển biến rõ rệt, kiến trúc và cảnh quan đô thị đã được quan tâm đầu tư đã hình thành ngày càng nhiều các quần thể kiến trúc, mang dáng dấp đô thị hiện đại, các công trình cao tầng trên địa bàn thành phố là những điểm nhấn kiến trúc đô thị có chất lượng cao. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được quan tâm đầu tư đảm bảo đúng quy hoạch.

- Về quy hoạch: 10/10 xã trên địa bàn thành phố đã lập Đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới (05 xã được UBND thành phố ban hành Quyết định phê duyệt trong năm 2012; 03 xã do UBND huyện Tiên Lữ phê duyệt, 02 xã do UBND huyện Kim Động phê duyệt ở thời điểm chưa sáp nhập về thành phố).

- Về công tác rà soát quy hoạch: 05/05 xã (*Bảo Khê, Trung Nghĩa, Quảng Châu, Hồng Nam và Liên Phương*) đã rà soát, kết quả đảm bảo theo quy hoạch; 05 xã mới sáp nhập về thành phố (*Phú Cường, Hùng Cường, Phương Chiêu, Hoàng Hanh, Tân Hưng*) phải điều chỉnh để phù hợp với quy hoạch chung của

thành phố và đến tháng 12/2016 đã được UBND thành phố Hưng Yên phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch.

- Về nguồn vốn đầu tư lập Đồ án và Đề án xây dựng NTM: kinh phí đầu tư là 3.164 triệu đồng.

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

Tổng kinh phí đã đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 12/2018 là: 1.956.634 triệu đồng

2.2.1. Về giao thông:

Trên địa bàn thành phố có nhiều tuyến đường quốc lộ và tỉnh lộ chạy qua; trong đó có đường bộ nối với 2 đường cao tốc Hà Nội - Hải phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình đoạn đi qua 04 xã (Trung Nghĩa, Phương Chiểu, Hồng Nam, Tân Hưng) nằm trên địa phận thành phố Hưng Yên đã thông xe, sẽ tạo điều kiện cho các xã phát triển kinh tế - xã hội; Quốc lộ 39 đoạn qua thành phố Hưng Yên dài 11,8 km, Quốc lộ 38, Quốc lộ 38B, đường ĐT 378: 14.1km, đường ĐH72: 4,2 km; đã hoàn thành các dự án mở rộng Quốc lộ 39 và nhánh phân phụ tải đoạn qua thành phố Hưng Yên, đường chở vật liệu phục vụ dân sinh kết hợp làm đường cứu hộ, cứu nạn từ cảng sông Hồng ra Quốc lộ 38; đường Sơn Nam (đoạn từ đường Phạm Bạch Hổ đến đê Sông Hồng); đường trục xã Liên Phương (đường Dựng), đường trong Khu Đại học Phố Hiến (đường ADB) với tổng chiều dài: 16,68Km. Các dự án về giao thông được đầu tư triển khai trong những năm qua tại 10 xã, cụ thể: Cải tạo, nâng cấp đường trục vào trung tâm hành chính xã Bảo Khê; Xây dựng đường trục xã Bảo Khê, Liên Phương, Phương Chiểu, Phú Cường, Hùng Cường, Hoàn Hanh, Tân Hưng và Quảng Châu; Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.72.

Trên địa bàn 10 xã:

- 10/10 xã đã hoàn thành tiêu chí giao thông: Các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn các xã đã được nhựa hóa (nhiều đoạn đường trục xã hoặc thôn đã được đầu tư nâng cấp mở rộng giải áp phân trên 8.170 m, như đường trục xã Liên Phương 2.400m, xã Tân Hưng 2.170m, Phú Cường, Hùng Cường trên 1.500m, đường thôn và ngõ xóm thôn Tính Linh xã Trung Nghĩa trên 2.000m) hoặc đường được bê tông hóa và cứng hóa đảm bảo theo Bộ tiêu chí. Từ khi triển khai thực hiện Chương trình nông thôn mới đến tháng 12/2018 các xã đã xây mới, cứng hóa được 289,8km/381km đường giao thông nông thôn, đạt 76%, số còn lại chủ yếu là đường ra đồng. Riêng xã Hoàn Hanh, Hùng Cường và xã Quảng Châu là một trong những xã có điều kiện kinh tế khó khăn, nhưng tỷ lệ đường giao thông đã được cứng hóa rất cao: Đường liên xã và đường vào khu trung tâm hành chính xã đã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa (chiều rộng từ 3,5m đến 7,5m), đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện đạt tỷ lệ 100%; đường trục thôn và liên thôn đã được cứng hóa (chiều rộng từ 3 m trở lên) đảm bảo ô tô đi lại

thuận tiện đạt tỷ lệ 100%; đường ngõ, xóm đã được cứng hóa (chiều rộng từ 3m trở lên) đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt tỷ lệ 100%; đường trục chính nội đồng được cứng hóa với chiều rộng từ 3m trở lên); còn lại là đường xương cá, mặt đường đạt 2-3m, đã được nhân dân làm mặt bằng đảm bảo đi lại không trơn trượt trong mùa mưa.

- Tổng kinh phí đã đầu tư làm đường giao thông 10 xã: 530.399 triệu đồng.

2.2.2. Về thủy lợi:

- Trên địa bàn thành phố có 03 Hồ điều hòa (Hồ Bán Nguyệt, Nam Hòa, An Vũ có diện tích trung bình trên 10ha/1 hồ và sông Điện Biên chạy dọc thành phố chiều dài trên 3km).

- Hệ thống kênh mương: Thành phố có 406 tuyến kênh mương tưới, tiêu các loại; trong đó: Kênh đất có 378 tuyến kênh mương tưới, tiêu với tổng chiều dài 157.561m; Kênh xây có 28 tuyến kênh mương tưới, tiêu với tổng chiều dài 10.756m; tổng số cống trên kênh là 360 cống các loại.

- Hệ thống Trạm bơm: Tổng số 10 trạm bơm tiêu (với 31 tổ máy), tổng công suất: 142.040m³/h và 13 trạm bơm tưới (với 20 tổ máy), tổng công suất 22.080m³/h do xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi thành phố quản lý; được chia làm 2 khu vực:

- Khu vực trong đê sông Hồng với diện tích là: 3.459,32 ha; có 8 trạm bơm tiêu (với 25 máy bơm), tổng công suất 127.040m³/h và 13 trạm bơm tưới (với 20 tổ máy), tổng công suất 22.080m³/h; trong đó:

+ Có trạm bơm không ống cột nước thấp Bảo Khê được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng cuối năm 2017, trạm bơm có 02 máy x 3700m³/h làm nhiệm vụ tiêu cho 246ha diện tích khu phía đông sông Điện Biên thuộc xã Bảo Khê và thôn Tỉnh Linh, xã Trung Nghĩa.

+ Trạm bơm không ống cột nước thấp cửa Gàn được UBND thành phố đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp với quy mô 06 máy 4000m³/h; công trình đưa vào sử dụng trong tháng 6/1018 làm nhiệm vụ tiêu thoát nước cho hơn 500ha diện tích của các xã Liên Phương, Trung Nghĩa, Hồng Nam, Phương Chiểu.

- Khu vực ngoài đê sông Hồng với diện tích là: 3.882,76 ha có 02 trạm bơm tiêu (6 máy), có tổng công suất 15.000m³/h.

- Công trình thoát nước nội thành: Thành phố hoàn thành dự án xây dựng trạm bơm tiêu Bảo Khê tiêu nước cho khu vực nội thành, hằng năm tập trung chủ yếu cải tạo và nâng cấp hệ thống cống ngầm thoát nước tại khu vực nội thành; các công trình đã đảm bảo tốt việc tiêu thoát nước không xảy ra úng, ngập trong mùa mưa bão;

- Khu vực ngoại thành: Trong những năm qua thành phố đã bố trí kinh phí xây dựng mới các công trình thủy lợi; đã cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước cho các xã; đến nay 10/10 xã đã hoàn thành tiêu chí thủy lợi; trong đó đã đầu tư cải tạo, nạo vét, kè mái kênh cho 02 xã Bảo Khê, Trung Nghĩa, tổng chiều dài tuyến kênh là 5,88 km (*Cải tạo, nạo vét, kè mái và xây dựng các công trình trên sông Đổng Lỗ - Bảo Khê, chiều dài 1,5 km; xây dựng kiên cố hóa tuyến kênh tưới trạm bơm Tỉnh Linh, chiều dài 0,68 km; cải tạo, nạo vét, kè mái*

và xây dựng các công trình trên sông Đông Lũ - Trung Nghĩa, chiều dài 1,8 km; kè mái sông Hòa Bình, chiều dài 1,9 km); đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống cống tiêu thoát nước khu dân cư thôn Đặng Cầu, xã Trung Nghĩa, xây mới 03 cống tiêu nước tại xã Phương Chiêu, Hồng Nam; Cải tạo nâng cấp cống tiêu nước sông Sào Sáu và trạm bơm xã Hồng Nam, xây mới hệ thống cống hộp tiêu thoát nước cho các xã Quảng Châu, Hồng Nam, Hoàng Hanh (*Khu vực bãi Dư*) với tổng chiều dài 298,2m, xây dựng 1.200m hệ thống cống hộp tại xã Quảng Châu; xã Tân Hưng thực hiện kiên cố hóa kênh mương đoạn Đình Cả đến cầu bà Kinh chiều dài 1.000m và xây dựng 3 cống (*Ông Khanh, ông Nguyễn, Cầu Tre*); xã Bảo Khê được tỉnh hỗ trợ cải tạo, nâng cấp 460 m kênh tưới thôn Vạn Tường. Năm 2018, đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động trạm bơm không ống cột nước thấp Bảo Khê và trạm bơm cửa Gàn (*Xã Liên Phương*), đang tổ chức thi công xây dựng trạm bơm Tân Hưng trị giá trên 14.500 triệu đồng; hàng năm thành phố tổ chức nạo vét 65-70 nghìn m³ kênh mương đảm bảo tưới tiêu phục vụ cho sản xuất chủ động đạt trên 90% diện tích.

- Công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Thành phố có 08 phường, xã nằm ngoài đê chính (07 phường xã trong đê); 100% số hộ dân sinh sống ở ngoài đê đều làm nhà ở trên vùng đất cao, khi mực nước sông Hồng lên trên báo động số 2 mới gây úng ngập tới nhà; những năm gần đây mực nước sông Hồng chưa lên tới báo động số 2 cho nên không ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân ngoài vùng bãi; hàng năm vào đầu mùa mưa bão, thành phố đều tổ chức đánh giá thực trạng đê điều, hệ thống công trình thủy lợi, máy bơm, dụng cụ, vật tư, phương tiện, lương thực, thực phẩm, các nhu yếu phẩm khác... Ban chỉ huy PCTT và TKCN được kiện toàn hàng năm, đồng thời xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, có các phương án di dời dân khi cần thiết; nhờ làm tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cho nên trong những năm qua trên địa bàn thành phố Hưng Yên đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ; ngoài ra thành phố đã xây dựng được trên 4km tuyến đê kiểu mẫu, đã được Tổng Cục phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đánh giá đạt chất lượng cao.

- Tổng kinh phí đã đầu tư cho các công trình thủy lợi 10 xã giai đoạn 2011-2018 là **106.197** triệu đồng.

2.2.3. Về điện nông thôn:

- Nguồn cấp điện: Nguồn điện của thành phố được cấp từ các trạm 110kv phố Cao, Phù Cừ, trạm 110kv Kim Động và trạm 110/22/(2x25MVA) tại phường An Tảo. Một số xã ngoại thành được cấp điện từ mạng lưới điện của thành phố và các huyện Tiên Lữ, Kim Động.

- Lưới điện trung thế gồm hỗn hợp hai loại 35kv và 06 kv, loại dây AC35-95mm² cấp cho các khu vực, tổng chiều dài các tuyến trung thế từ 6-35kv là 47km, hạ thế là 21km đang được đi nổi. Các tuyến trung thế đang được định hướng cải tạo thành các tuyến 22kv theo chuẩn quốc gia ở khu vực xây dựng mới.

- Công trình cấp điện và điện chiếu sáng công cộng: Thành phố đã nâng cấp trạm biến áp 40MVA tại phường An Tảo lên 60MVA; cung cấp đủ điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho các cơ quan, đơn vị và các hộ dân trên địa bàn toàn thành phố. Hiện nay khu vực nội thành đã lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên nhiều đường, phố, ngõ, hẻm đạt tỷ lệ 100%; khu vực ngoại thành đã lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đường trục chính và một phần đường nhánh; trong đó đã đầu tư hệ thống chiếu sáng cho 05 xã mới sát nhập về thành phố trên các đường trục chính với tổng chiều dài 22,7 km đường điện chiếu sáng; các đường thôn, ngõ xóm với tổng chiều dài 26,9km đường điện chiếu sáng. Hệ thống đèn chiếu sáng thành phố Hưng Yên đã được cải tạo nâng cấp đáng kể: thay thế bằng đèn Led khu vực trung tâm thành phố và lắp mới trên quốc lộ 39 đoạn qua xã Phương Chiểu đã góp phần phục vụ đời sống dân sinh văn minh đô thị của thành phố.

- Di chuyển cột điện trên các tuyến đường GTNT: Các xã đã di chuyển trên 63 cột điện đường dây hạ thế (xã Quảng Châu: 30 cột, xã Hoàng Hanh: 20 cột; xã Liên Phương: 13 cột; xã Bảo Khê đã hạ ngầm trên 100 m đường dây điện cao thế cạnh nhà dân và nâng cao 150m đường dây cao thế đi qua nhà dân); đã góp phần bảo đảm an toàn hệ thống lưới điện trên địa bàn thành phố.

- Hệ thống điện được duy tu, sửa chữa và nâng cấp thường xuyên đảm bảo chất lượng và nhu cầu của nhân dân 10 xã nói riêng và toàn thành phố Hưng Yên nói chung. Giai đoạn 2011-2018, ngành điện đã đầu tư 100.550 triệu đồng sửa chữa, đầu tư, nâng cấp hệ thống điện, cụ thể:

+ 52 trạm biến áp dung lượng từ 250-800 KVA được bố trí trên hệ thống đường dây 35KVA;

+ 27 trạm biến áp dung lượng từ 250-400 KVA được bố trí trên hệ thống đường dây 22KVA;

+ Đường dây 35KV có tổng chiều dài là 31km, đường dây 22KV có tổng chiều dài là 10,6km.

Ngoài những trang thiết bị lớn đã đầu tư nói trên ngành điện đã đầu tư thiết bị trước công tơ, còn sau công tơ các hộ gia đình tự đầu tư:

Dây sau công tơ: Dây dẫn sau công tơ về tới hộ sử dụng điện 100% là dây bọc cách điện, tùy theo mức độ sử dụng điện, các hộ đều sử dụng dây dẫn có tiết diện dây bọc cách điện tối thiểu 2,5 mm² phù hợp với công suất của các hộ sử

dụng điện, khoảng cách từ công tơ về nhà từ 20m trở lên, dây hai đầu trên đều có sứ cách điện hạ áp hoặc sử dụng kẹp hãm, có cột đỡ trung gian bảo đảm an toàn đường điện, rất ít hộ có dây dẫn căng vượt đường ô tô, hộ này đều có cột cao đảm bảo phương tiện giao thông đi qua.

Kết cấu sau công tơ: Một số hộ có đường dây dài trên 20 m đều có cột đỡ trung gian được chôn dưới đất, không bị nghiêng, không ảnh hưởng đến giao thông đi lại; 100% hộ sử dụng điện được ký kết hợp đồng; công tơ điện chủ yếu là do ngành điện đến lắp đặt đã được kiểm định còn thời hạn, được kẹp chì niêm phong, công tơ được đặt trong hòm composit đảm bảo theo yêu cầu.

Đánh giá chung về tình hình sử dụng điện: Nguồn điện cấp cho các địa phương trên địa bàn thành phố được kết nối đồng bộ với hệ thống điện thành phố, phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt được duy trì thường xuyên, số hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ nguồn điện của thành phố đạt 100% đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện,

2.2.4. Về trường học:

- Thành phố Hưng Yên đã và đang triển khai thực hiện Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 10/7/2009 của Thủ tướng chính phủ về quy hoạch khu Đại học Phố Hiến tại thành phố Hưng Yên và huyện Tiên Lữ với diện tích: 1.000 ha, đáp ứng nhu cầu đào tạo cho khoảng 80.000 sinh viên; hiện nay đã có trường Đại học: Trường Đại học Chu Văn An đã xây dựng và đang hoạt động; đồng thời đầu tư phát triển các trường học khác trên địa bàn, bao gồm: 03 trường Cao Đẳng: Cao đẳng Y, Cao đẳng sư phạm Hưng Yên, Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật Tô Hiệu (cơ sở 02); 02 trường Trung cấp: Trung cấp Văn hóa nghệ thuật, Trung cấp nghề Giao thông vận tải Hưng Yên; Giáo dục Thường xuyên: 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên của tỉnh và 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên thành phố; có 4 trường trung học phổ thông. Tổng số trường Mầm non, Tiểu học và THCS trên địa bàn thành phố có: 57 trường (52 trường học công lập và 5 trường tư thục; đã có 30 trường công lập đạt chuẩn quốc gia); trong đó 17 trường Mầm non công lập và 5 trường mầm non tư thục (có 06 trường công lập đạt chuẩn Quốc gia), 17 trường Tiểu học (có 13 trường đạt chuẩn quốc gia), 18 trường THCS (có 11 trường đạt chuẩn Quốc gia); 10 xã tổng số có 30 trường (có 13 trường đạt chuẩn quốc gia).

- Sau khi Chương trình Giáo dục - Đào tạo và xây dựng trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 2016- 2020 được ban hành; thành phố đã tập trung chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, các phòng, ban, ngành, đoàn thể phối hợp chặt chẽ, cụ thể các nội dung của Chương trình bằng nghị quyết chuyên đề, ban hành kế hoạch, đồng thời lồng ghép với các mục tiêu, nhiệm vụ trong Chương trình xây dựng nông thôn mới và Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đã đạt được mục tiêu đề ra:

+ Đầu tư cơ sở vật chất cho trường học: Trong những năm qua thành phố đã đầu tư xây dựng mới và cải tạo nâng cấp nhiều trường học; đồng thời đầu tư mua sắm trang thiết bị và đồ dùng dạy học cho các trường học trên địa bàn; cụ thể: Đã đầu tư xây dựng và cải tạo nâng cấp trường THCS Nguyễn Quốc Ân; trường THCS Nguyễn Tất Thành; Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố; xây dựng trường mầm non trung tâm xã Phương Chiêu; trường THCS xã Trung Nghĩa, Hùng Cường, Hoàng Hanh, Quảng Châu... đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, gắn với xây dựng trường chuẩn Quốc gia.

+ Thành phố đã tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình trọng tâm, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục như: Chương trình phát triển giáo dục đào tạo và xây dựng trường chuẩn quốc gia thành phố giai đoạn 2016 - 2020; Đề án của tỉnh về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và Đề án kiên cố hóa trường lớp... Thực hiện chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và yêu cầu trong nhiệm vụ xây dựng NTM; số phòng học được thành phố đầu tư cho 10 xã từ năm 2011 đến năm 2018: xây 90 phòng học, xây mới 10 phòng hiệu bộ và 5 nhà ăn bán trú và kinh phí mua sắm trang thiết bị và đồ dùng dạy học khác...

- Tổng kinh phí đã đầu tư cho 10 xã trong 8 năm qua là 157.996 triệu đồng. Đến tháng 12/2018 có 10/10 xã đạt chuẩn tiêu chí trường học theo Bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2.2.5. Về cơ sở vật chất văn hóa:

Thành phố Hưng Yên có các công trình văn hóa tiêu biểu: Bảo tàng tỉnh Hưng Yên mới xây dựng với quy mô trên 6,5ha cạnh Quảng Trường thành phố, Nhà văn hóa Trung tâm tỉnh trên 4,5ha, có quy mô trên 500 chỗ ngồi, Cung văn hóa thiếu nhi trên 8,25ha, Nhà hát chèo Hưng Yên, Rạp chiếu phim Hưng Yên, Thư viện tỉnh, thành phố; ngoài ra, thành phố có 60 nhà văn hóa trong các khu dân cư với 36 công trình đạt chuẩn Quốc gia.

Thành phố Hưng Yên đang triển khai thực hiện Quyết định số 744/QĐ-TTg ngày 27/5/2010 của Thủ tướng chính phủ về Trùng tu, bảo tồn, tôn tạo và phát huy đô thị cổ Phố Hiến gắn với du lịch; trong đó đang thực hiện cải tạo một số khu di tích được xếp hạng là khu di tích đặc biệt và khu di tích Quốc gia Phố Hiến, tập trung giải phóng mặt bằng để mở rộng khuôn viên Đền Mẫu và Đền Trần phục vụ cho quý khách thập phương về chiêm bái và tham quan du lịch.

Các công trình văn hóa được đầu tư xây dựng mới do thành phố làm chủ đầu tư: Xây dựng nhà tưởng niệm danh nhân Lê Đình Kiên, phường Hồng Châu; GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, trong đó 10/10 xã đã được tỉnh, thành phố đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa thôn; chỉnh trang vườn hoa đô thị và trồng bổ sung, thay thế cây xanh trên một số tuyến đường đô thị và đường xã.

- Thành phố đã có chủ trương đầu tư khá toàn diện và đồng bộ để từng bước chuẩn hóa các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Năm 2011-2012, các xã Bảo Khê, Trung Nghĩa, Quảng Châu và Hồng Nam đã được hỗ trợ kinh phí xây dựng mới trụ sở UBND xã và các thiết chế văn hóa. Năm 2013-2014, xã Trung Nghĩa đã được đầu tư xây dựng nhà văn hóa thôn Đặng Cầu, nhà Văn hóa khu 3 thôn Đào Đặng với tổng diện tích 901 m². Năm 2018 UBND thành phố đã bố trí ngân sách để xây dựng nhà văn hóa xã Bảo Khê, đầu tư xây mới và mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa cho 02 xã Hoàng Hanh và Hùng Cường trị giá trên 5.300 triệu đồng. Tổng kinh phí đã đầu tư trang bị cơ sở vật chất văn hóa giai đoạn từ năm 2011 đến tháng 12/2018 là: 68.792 triệu đồng.

Nhìn chung các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn các xã được các cấp, các ngành quan tâm đầu tư đã phát huy hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng, đáp ứng nhu cầu của người dân khu vực nông thôn; đến nay thành phố đã có 10/10 xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa.

(có phụ lục số 08 về danh sách thiết chế văn hóa phường, xã, thôn, khu phố kèm theo)

2.2.6. Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

Sau khi UBND thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển Thương mại - Dịch vụ giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025, các hệ thống siêu thị và trung tâm thương mại, chuỗi cửa hàng tiện lợi, chợ trên địa bàn thành phố được đầu tư nâng cấp, cải tạo nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh doanh, cụ thể:

- Hệ thống siêu thị - trung tâm thương mại, chuỗi cửa hàng tiện lợi trên địa bàn thành phố có các loại hình: chuyên doanh và tổng hợp, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhân dân trên địa bàn; các mặt hàng kinh doanh đa dạng với các chủng loại mặt hàng: điện tử, điện lạnh, kim khí, lương thực, thực phẩm... trải rộng trên địa bàn các phường, xã, như: Siêu thị điện máy Chuyên Quyền, siêu thị Hoàng Kiên trên địa bàn xã Liên Phương, siêu thị sách, siêu thị Mediamart, Điện máy Xanh tiếp tục hoạt động hiệu quả; có thêm 02 siêu thị và nhiều chuỗi cửa hàng thuận tiện được hình thành, cụ thể: Siêu thị Nguyễn Kim, siêu thị Anh Dũng xây dựng đi vào hoạt động đầu năm 2018; Tổng số siêu thị, trung tâm thương mại đầu tư giai đoạn 2011 đến nay là 9 đơn vị.

- *Phát triển mạng lưới chợ*: Hệ thống chợ của thành phố gồm 16 chợ, có 2 chợ hạng 2 và 4 chợ hạng 3 còn lại là chợ dân sinh; thành phố tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình để phục vụ kinh doanh, buôn bán; bên cạnh đó chủ trương tiếp nhận đầu tư xây dựng chợ được chú trọng đẩy nhanh, cụ thể:

Chợ Phố Hiến đã được nhà đầu tư hoàn thiện các hạng mục công trình của chợ dân sinh, đã đưa gần 400 hộ kinh doanh ngoài chợ tạm vào kinh doanh trong chợ. Chợ Dầu (xã Quảng Châu) cuối năm 2016 đã được UBND xã đầu tư, cải tạo nâng cấp bố trí thêm 20 quầy bán hàng đưa các hộ và cá nhân vào kinh

doanh trong chợ, không còn hiện tượng họp chợ ở lòng đường; năm 2016 và đầu năm 2018 Sở NN&PTNT tỉnh Hưng Yên triển khai thực hiện dự án LIFSAP, tại chợ Dầu, xã Trung Nghĩa và chợ Dầu, xã Quảng Châu. Chợ Dốc Lã trên địa bàn xã Bảo Khê được Công ty TNHH Biển Đại Dương đầu tư xây dựng, hiện đã và đang phối hợp cùng các phòng chuyên môn thuộc UBND thành phố, UBND xã Bảo Khê tiến hành công tác giải phóng mặt bằng, lập hồ sơ xin chủ trương xây dựng chợ tạm để xây dựng chợ chính theo quy định. Chợ Hiến Nam (phường Hiến Nam) và chợ Dốc Vị (xã Phương Chiểu): được Hợp tác xã Dầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác chợ Thái Khang đang phối hợp cùng các phòng chuyên môn thuộc UBND thành phố, UBND các phường, xã tiến hành công tác giải phóng mặt bằng, lập hồ sơ xin chủ trương xây dựng chợ tạm để xây dựng chợ chính theo quy định. Các chợ đều có Ban quản lý, có nội quy, có trang bị phòng cháy chữa cháy, có cân đòil chứng, có hệ thống cấp nước, thoát nước, rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường.

- *Phát triển các tuyến phố thương mại:*

+ Về cơ bản, hệ thống hạ tầng giao thông, vỉa hè, điện chiếu sáng các tuyến đường nội thị đều khang trang, sạch đẹp, từ đó đã tạo nên nhiều hộ cá thể kinh doanh thương mại, dịch vụ. Công tác quản lý biển và điểm quảng cáo được quan tâm, chấn chỉnh, dần tạo nên diện mạo hiện đại, sầm uất của đô thị.

+ Một số tuyến đường kinh doanh thương mại - dịch vụ đã được hình thành trên địa bàn xã như: Đường Tô Hiệu kéo dài từ xã Liên Phương tới hết địa phận xã Phương Chiểu; Đường Lê Văn Lương kéo dài từ phường An Tảo tới hết địa phận xã Trung Nghĩa, nhân dân đã mở thêm nhiều cửa hàng buôn bán đồ gỗ, cửa hàng nhôm kính...

Trong những năm qua thành phố tập trung chỉ đạo, thu hút nguồn vốn đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống chợ, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, cũng như nhu cầu của cư dân nông thôn. Hiện tại, thành phố có 10/10 xã đạt chuẩn về tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

2.2.7. Về thông tin và truyền thông.

- Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đã phát triển rộng khắp trên địa bàn toàn thành phố. Cổng thông tin điện tử thành phố, đã hoàn thành và đi vào hoạt động, từ đó tạo điều kiện thuận lợi để tuyên truyền, phát triển kinh tế - xã hội và quảng bá phát triển du lịch. Các xã có điểm bưu điện văn hóa xã đã có internet kết nối với tốc độ cao, vùng phủ sóng 3G, 4G đạt 100%; hầu hết các hộ dân thành phố và cả khu vực nông thôn trên địa bàn 10 xã được sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông phổ cập.

- Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông chung của toàn thành phố:

+ Số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động)/100dân đạt: 6,17 thuê bao/100 hộ dân.

+ Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số đạt: 95 %.

+ Dịch vụ thông tin, truyền thông: Số thuê bao điện thoại và Internet đạt khoảng 32.680 thuê bao cố định; thuê bao điện thoại di động đạt trên 182.000 đầu số.

- 10/10 xã có điểm phục vụ bưu chính quy mô phù hợp, có treo biển tên điểm phục vụ, có niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ, đảm bảo thời gian mở cửa hàng ngày.

- 10/10 xã có dịch vụ viễn thông, Internet; hiện có $\geq 95\%$ số hộ gia đình sử dụng dịch vụ viễn thông như mạng điện thoại di động, máy điện thoại cố định và Internet ;

- 10/10 xã có Đài truyền thanh và hệ thống loa đến tất cả các thôn;

- 10/10 xã đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành; hệ số máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tỷ lệ cao; các cơ quan Đảng ủy, HĐND, UBND xã có máy vi tính kết nối internet băng thông rộng; xã áp dụng hệ thống một cửa điện tử trong thủ tục hành chính với Văn phòng một cửa, một cửa liên thông của UBND thành phố đảm bảo giao diện trong thời gian nhanh nhất, đạt hiệu quả cao nhất.

Hạ tầng bưu chính, viễn thông trong những năm qua phát triển mạnh mẽ, phủ khắp các xã, các thôn, chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân, có trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông tại địa phương.

2.2.8. Về nhà ở dân cư:

- Thành phố Hưng Yên là đô thị loại 3, hàng năm được đầu tư xây dựng với quy mô ngày càng văn minh hiện đại, có nhiều nhà cao tầng, tầng cao trung bình khoảng 2,5 tầng, có tổng diện tích 1.674.150m², bình quân 18,9m²/người. trong đó khu vực nội thành là 1.164.750m², bình quân 19,6m²/người, khu vực ngoại thành 509.400 m², bình quân 18,2m²/người. Tỷ lệ nhà ở kiên cố so với tổng quỹ nhà là 95%.

Kinh tế nông thôn có nhiều khởi sắc, tỷ lệ hộ nghèo giảm qua từng năm, thu nhập trung bình tăng cao, dẫn tới người dân có điều kiện đầu tư nâng cao chất lượng sinh hoạt.

- Trên địa bàn thành phố không có nhà tạm, dột nát;

- Mặt bằng khuôn viên nhà ở: Khuôn viên nhà ở, khu bếp, vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi được các chủ hộ bố trí phù hợp, đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt đối với mọi thành viên trong gia đình, đảm bảo yêu cầu tối thiểu về diện tích sử dụng, có đủ công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sinh hoạt; kiến trúc, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của người dân địa phương. 100% nhà ở khu vực nông thôn đạt chuẩn theo quy định (tiêu chuẩn 3 cứng do Bộ Xây dựng quy định).

Ước tính giai đoạn 2011-2018, tổng kinh phí đầu tư xây dựng và sửa chữa của nhân dân trên địa bàn 10 xã đạt 992.700 triệu đồng.

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân

2.3.1. Phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản:

- Thành phố và các xã chú trọng tập trung thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp với trọng tâm là đầu tư phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ lực và có lợi thế, phù hợp với điều kiện nông hóa thổ nhưỡng và thời tiết trong vùng. Mặc dù sản xuất nông nghiệp vẫn còn phụ thuộc nhiều yếu tố khách quan tác động đến việc ổn định, tuy nhiên các xã trên địa bàn thành phố về sản xuất nông nghiệp phát triển khá mạnh, giá trị tăng đều qua các năm (năm 2014 giá trị sản xuất nông nghiệp - thủy sản đạt 787.000 triệu đồng/17 phường xã, tốc độ tăng trưởng 1,15%; năm 2018 giá trị sản xuất nông nghiệp - thủy sản đạt 1.021.000 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng 3,37%); đó là tiền đề quan trọng, là nền tảng để thúc đẩy sức sản xuất góp phần nâng cao thu nhập cho nhân dân khu vực nông thôn.

Được sự quan tâm giúp đỡ, hướng dẫn của các sở, ngành của tỉnh, thành phố đã triển khai thực hiện Đề án giống vật nuôi chất lượng cao tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2012-2015; dự án phát triển nhãn hàng hóa chất lượng cao. Năm 2015, thành phố đã chọn 10,06 ha tại thôn Nễ Châu (xã Hồng Nam) để sản xuất nhãn xuất khẩu thí điểm sang thị trường Mỹ và đã lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận Vietgap cho diện tích 10,06 ha nhãn nói trên, tháng 8/2015 đã xuất khẩu thí điểm 824 kg nhãn sang thị trường Mỹ. Năm 2017 và năm 2018, UBND tỉnh và UBND thành phố Hưng Yên tiếp tục hỗ trợ các hộ dân mở rộng thêm 103,033 ha nhãn, nâng tổng diện tích nhãn sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap lên 113,093ha và 32 ha cam sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap; thực hiện mô hình sản xuất, tiêu thụ rau an toàn trên 3ha tại xã Trung Nghĩa. Trong những năm 2015-2018 thành phố đã nhập và tiêu thụ vào các hệ thống siêu thị và cửa hàng lớn hàng ngàn tấn nhãn quả tươi và hàng trăm tấn cam sản xuất theo tiêu chuẩn Vietgap, ngoài ra còn bán buôn và bán lẻ theo cơ quan, đơn vị và cá nhân khác. Thành phố đã triển khai tổ chức thực hiện Đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng bền vững giai đoạn 2016 - 2020; đồng thời tiếp tục chỉ đạo thực hiện tích tụ ruộng đất, để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu SXNN và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; chú trọng phát triển cây ăn quả đặc sản: Nhãn, cây có múi; phát triển ngành nghề nông thôn, sản xuất hương thơm tại thôn Cao, xã Bảo Khê, sản xuất bún đậu, chế biến long nhãn, hạt sen, mít, ô mai các loại tại các xã phía nam thành phố; phát triển nuôi trồng thủy sản: Ngoài diện tích nuôi cá trong đầm, hồ, ao, thành phố còn khuyến khích các hộ dân nuôi cá lồng bè trên sông để tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân, đã có 11 hộ nuôi gần 200 lồng cá trên sông Hồng, góp phần thúc đẩy lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản không ngừng tăng trưởng và phát triển; tích cực chuyển giao và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào phục vụ cho sản

xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân.

- Về kinh tế gia trại, trang trại khu vực nông thôn, tính đến tháng 12/2018, thành phố có trên 150 mô hình kinh tế gia trại, trang trại; trong đó, thành phố đã thẩm định và cấp 19 Giấy chứng nhận mô hình kinh tế trang trại (*đủ tiêu chí theo Thông tư số 27/2011/TT-BNN&PTNT ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại*) Kinh tế gia trại, trang trại đã khẳng định được vị trí trong nông nghiệp, nông thôn, khai thác được tiềm năng đất đai, góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, giải quyết việc làm cho nhiều lao động tại các xã.

2.3.2. Phát triển Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

- Công nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp:

Trong những năm qua phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ trên địa bàn thành phố tương đối tốt. Một số ngành công nghiệp chủ yếu như: May mặc, nhựa, cơ khí, điện tử các loại. Các sản phẩm may mặc, cơ khí, chế biến nông sản đáp ứng tốt cho nhu cầu trên địa bàn và cho xuất khẩu. Hiện tại thành phố đang lập hồ sơ thành lập Cụm công nghiệp Bảo Khê, Cụm công nghiệp làng nghề thôn Cao. Đã thành lập Hội làng nghề hương thơm thôn Cao, xã Bảo Khê được cấp giấy chứng nhận làng nghề và đã đăng ký bảo hộ thương hiệu, sản phẩm nắm thương phẩm của HTX nắm Hồng Nam; sản phẩm thảm đay, cói của HTX Hợp Tiến, dịch vụ sửa chữa cơ khí của HTX Dân Chủ.

- Về làng nghề truyền thống: Năm 2011, khi bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới, thành phố có 01 làng nghề truyền thống (*làng nghề sản xuất hương thơm thôn Cao - xã Bảo Khê*); đến nay có tổng cộng 04 làng nghề, trong đó: 01 làng nghề hương thơm thôn Cao được công nhận năm 2011, 02 làng nghề chế biến nông sản Phương Trung và Viên Tiêu được công nhận năm 2013 và 01 làng nghề được công nhận năm 2016 (làng nghề chế biến nông sản thôn Điện Biên - Hồng Nam).

- Phát triển các loại hình dịch vụ:

Hàng năm để giúp người dân trên địa bàn thành phố Hưng Yên hưởng lợi các loại hình dịch vụ, từ các tập đoàn, tổng công ty lớn đã đầu tư và đang hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ bảo hiểm, tài chính, viễn thông đều có chi nhánh đặt tại thành phố Hưng Yên như: VNPT, Viettel, FPT, BAOVIET, Vietinbank, BIDV, Techcombank.... Điểm chung các chi nhánh này đều hoạt động ổn định, cạnh tranh bình đẳng theo quy định của pháp luật đem lại lợi ích thiết thực cho người dân như: Chi phí ngày càng giảm trong khi chất lượng dịch vụ được nâng lên đáng kể, người sử dụng được tiếp cận dịch vụ hiện đại, an toàn... Ngân hàng Vietcombank mở chi

nhánh (trước đây là phòng giao dịch) và ngân hàng LienViet Post bank, NCB... mở phòng giao dịch tại thành phố Hưng Yên vào đầu năm 2017.

Để phát triển sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao, thành phố đã khuyến cáo các địa phương không ngừng mở rộng và phát triển các loại hình dịch vụ nông nghiệp, đã hỗ trợ các cơ sở thành lập các Hợp tác xã, tổ hợp tác, các chủ trang trại, nhà vườn, các hộ kinh doanh cá thể tham gia các Hội chợ quảng bá, xúc tiến quảng bá giới thiệu sản phẩm; đưa sản phẩm của địa phương tham gia Hội thi bình chọn sản phẩm Công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và cấp vùng đạt được nhiều kết quả tích cực.

Hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại dịch vụ trên địa bàn thành phố phát triển nhanh về số lượng, đa dạng về loại hình kinh doanh, chất lượng hàng hóa ngày càng được nâng cao. Các hoạt động thương mại dịch vụ với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân trên địa bàn.

2.3.3. Nâng cao thu nhập bình quân khu vực nông thôn; giảm tỷ lệ hộ nghèo:

- Nâng cao thu nhập:

Xác định đây là tiêu chí khó và quan trọng nhất trong các tiêu chí xây dựng nông thôn mới nên trong thời gian qua thành phố đã chỉ đạo các xã tích cực kêu gọi hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp; Thương mại - Dịch vụ để nâng cao thu nhập cho người dân; đã tích cực phối hợp cùng các đơn vị có liên quan phát triển công tác đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật về hướng dẫn chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại, thu hoạch cây trồng và thời vụ gieo trồng một số cây trồng chính trong nông nghiệp; kỹ thuật thâm canh cây trồng, vật nuôi, giới thiệu và ứng dụng một số tiến bộ kỹ thuật mới trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đói, rét cho gia súc, gia cầm...;

+ Tích cực khuyến khích người dân phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn; làm thay đổi cách nghĩ, tập quán canh tác của người dân. đã hình thành vùng trồng tập trung các loại cây ăn quả đặc sản là cây nhãn và cây có múi như bưởi, cam ...

+ Phát triển và nhân rộng mô hình chăn nuôi tập trung để phát triển đàn lợn, trâu, bò và một số sản phẩm đặc sản của địa phương để góp phần tạo thêm giá trị thu nhập cho người dân. Bên cạnh đó tạo nhiều mô hình liên kết “4 nhà” trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, làm tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả, góp phần tăng thu nhập và cải thiện đời sống người dân;

Đến nay tiêu chí Thu nhập và tỷ lệ hộ nghèo của 10 xã đều đạt và vượt so với chương trình; cụ thể:

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn năm 2017 đạt 40,5 triệu đồng/người; năm 2018 thu nhập bình quân đầu người đạt trên 45 triệu đồng/người/năm (so với Bộ tiêu chí của tỉnh là 41 triệu đồng/người/năm 2018).

Tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giảm: năm 2011 còn 5,4%, năm 2014 còn 3,4%, năm 2017 còn 2,5%, năm 2018 toàn thành phố còn 1,97% tương ứng 709 hộ, tỷ lệ hộ cận nghèo là 1,86% tương ứng 670 hộ; như vậy, so với năm 2017, tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,53%. Năm 2018 riêng 10 xã tỷ lệ còn 2,65% (so với Bộ tiêu chí của tỉnh là $\leq 3\%$ năm 2018 theo tiêu chí Hộ nghèo đa chiều); sau khi đã trừ hộ nghèo được hưởng bảo trợ xã hội còn 1.44% (không bao gồm hộ nghèo thuộc nhóm bảo trợ).

- Tổng vốn đầu tư cho phát triển sản xuất giai đoạn 2011 đến tháng 12/2018 là 136.002 triệu đồng.

2.3.4. Tiêu chí lao động có việc làm

Để thực hiện tốt tiêu chí Lao động có việc làm, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố ban hành Chương trình số 05-CTr/TU ngày 29/6/2016 về Lao động, việc làm và giảm nghèo thành phố Hưng Yên, giai đoạn 2016- 2020; theo đó UBND thành phố xây dựng kế hoạch dài hạn và hằng năm để tổ chức thực hiện, đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác dạy nghề, việc làm và giảm nghèo để tăng thu nhập, cải thiện đời sống về vật chất và tinh thần cho người lao động, giảm nghèo bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Số lao động toàn thành phố 85.760 người, trong đó số lao động có việc làm 84.516 người; hàng năm, trung bình tạo thêm việc làm mới toàn thành phố thông qua các lĩnh vực kinh tế, các chương trình, dự án của địa phương trên 2.600 lao động, trong đó ở khu vực nông thôn khoảng 1.352 lao động, tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động (nam từ 15-59, nữ từ 15-54) toàn thành phố đạt khoảng 98,55%; trong đó ở khu vực nông thôn số lao động trong độ tuổi lao động 44.595 người, số người lao động có việc làm thường xuyên 43.525 người đạt khoảng trên 97,6%.

Như vậy, về cơ bản lực lượng lao động trên địa bàn thành phố đã đáp ứng đủ nhu cầu về số lượng cũng như chất lượng lao động. Hàng năm thành phố triển khai thực hiện kế hoạch về lao động, việc làm và giảm nghèo, kết hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; kế hoạch phát triển thương mại-dịch vụ và du lịch để tạo thêm việc làm cho người lao động.

2.3.5. Tổ chức sản xuất:

- Đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã:

+ Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện: UBND thành phố đã ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

+ Kết quả đạt được: Đến 31/12/2018, toàn thành phố có 28 hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (năm 2018 thành phố thành lập mới được 05 HTX, đạt 100% KH năm); có 16 Tổ hợp tác. Trong tổng số 28 HTX, có 12 hợp tác xã tổ chức lại hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012 và 16 Hợp tác xã thành lập mới sau Luật HTX năm 2012.

- Về xây dựng, liên kết chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn: Từ năm 2015 đến 2018 thành phố đã triển khai thực hiện được 145,093ha nhãn, cam được cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn VietGAHP (nhãn 113,093 ha, cam 32 ha), tập trung tại các hợp tác xã có thế mạnh về trồng cây ăn quả đặc sản: cây nhãn tập trung tại xã Hồng Nam, Phương Chiêu, Tân Hưng; cây cam xã Quảng Châu, phường Lam Sơn. Kết quả tiêu thụ: năm 2018 các Hợp tác xã đã ký kết hợp đồng tiêu thụ nhãn quả tươi với các Công ty và các hệ thống siêu thị BigC, FiviMart, Hapro...; trong đó: số lượng đã ký theo hợp đồng 271,795 tấn, số lượng đã tiêu thụ thực tế 168,72 tấn, với giá bán dao động từ 25.000 đồng - 37.000 đồng/kg, bình quân đạt 29.000 đồng/kg; tại các sự kiện xúc tiến tiêu thụ nhãn và nông sản do UBND tỉnh tổ chức đã thu được nhiều kết quả tốt đẹp, các Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh đã trưng bày, giới thiệu và tiêu thụ được khoảng 9,82 tấn nhãn quả tươi và các mặt hàng khác: long nhãn 1,3 tấn; mật ong 0,41 tấn; hạt sen 0,105 tấn. Ước tổng doanh thu tiêu thụ nhãn trên địa bàn thành phố năm 2018 đạt trên 230.011 triệu đồng. Năm 2016 thành lập 1 Công ty rau, củ quả Nhật Việt tại xã Trung nghĩa với quy mô sản xuất với diện tích trên 3ha có hệ thống nhà lưới và ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại, để cung cấp rau, củ quả cho nhiều siêu thị, nhà hàng trên Hà Nội và tại địa phương, đạt hiệu quả khá cao.

- Kinh tế trang trại: Toàn thành phố có trên 150 mô hình trang trại, gia trại, trong đó có 120 trang trại đạt tiêu chí theo Thông tư 27/2011/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT (có 19 trang trại đã được cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại). Mô hình kinh tế trang trại đã giải quyết nhiều việc làm cho nhiều người lao động tại địa phương; góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, gia tăng giá trị kinh tế trên đơn vị diện tích canh tác.

Trong những năm qua thành phố đã được Trung ương, các Sở, Ban ngành của tỉnh quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ tạo điều kiện để thành phố chỉ đạo các xã thành lập mới, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của hợp tác xã và khuyến khích các địa phương phát triển kinh tế trang trại, đã phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu thành lập mới hợp tác xã do tỉnh giao, đảm bảo số lượng, chất lượng và hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã.

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường:

2.4.1. Về giáo dục và đào tạo:

Để thực hiện tốt tiêu chí *giáo dục và đào tạo*, ngày 21/10/2016 Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố ban hành Chương trình phát triển giáo dục - đào tạo và xây dựng trường chuẩn quốc gia thành phố giai đoạn 2016 - 2020; UBND thành phố đã triển khai thực hiện có hiệu quả cụ thể:

- Chương trình giáo dục - đào tạo ở khu vực nông thôn được thành phố tiếp tục quan tâm và chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, đồng thời thực hiện nhiều giải pháp như: Đổi mới phương pháp dạy và học; xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp theo hướng kiên cố hóa... nên chất lượng giáo dục ngày càng nâng lên; thường xuyên duy trì phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt trên 95% (riêng xã Bảo Khê và xã Trung Nghĩa đạt 100%).

- Chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ được nâng lên, số trẻ em mầm non đến trường là 8.625 trẻ; trẻ 6 tuổi hoàn thành chương trình mẫu giáo vào lớp 1 đạt 100%; số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 là 1.717 em, đạt tỷ lệ 100%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở là 1.350 em, đạt tỷ lệ 99,8%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học: số học sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trung học phổ thông các loại hình và học nghề là 1.193 em, đạt tỷ lệ 94,1%;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn thành phố đạt trên 65%; trong đó, tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo nghề đạt khoảng 45,12%.

Trong những năm qua thành phố đã chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt Chương trình phát triển giáo dục - đào tạo và xây dựng trường chuẩn quốc gia, đã đáp ứng đủ 3 yêu cầu về phổ cập giáo dục, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trung học, đảm bảo tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo. Đến nay có 10/10 xã đạt chuẩn về tiêu chí Giáo dục và đào tạo.

2.4.2. Về y tế:

Ngành Y tế trên địa bàn thành phố phát triển khá phong phú và đa dạng, có nhiều bệnh viện và nhiều cơ sở khám chữa bệnh phục vụ nhân dân trên địa bàn:

- Bệnh viện công lập: Đa Khoa tỉnh là bệnh viện lớn nhất với diện tích khoảng 5,9 ha, có trên 500 giường bệnh; Bệnh viện Y học cổ truyền, với diện tích khoảng 1,5 ha, Viện mắt với diện tích khoảng 0,35 ha Bệnh viện Bệnh phổi với diện tích khoảng 1,59 ha, Bệnh viện bệnh nhiệt đới với diện tích khoảng 1,3 ha.

- Bệnh viện tư nhân: Bệnh viện Hưng Hà có quy mô khá lớn, xếp thứ 2 sau Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

- Trung tâm Y tế: có 01 Trung tâm là Trung tâm phòng chống bệnh nguy hiểm của tỉnh, 01 Trung tâm Y tế thành phố và 17 Trạm Y tế phường, xã.

- Cơ sở y tế công lập: Trên địa bàn thành phố hiện tại có 23 cơ sở, với 1.065 giường bệnh (trong đó bệnh viện tuyến tỉnh và thành phố 980 giường); tỷ lệ Bác sỹ đạt 9,7 người/01 vạn dân (tỷ lệ trung bình cả nước đạt 7,8 bác sỹ/01 vạn dân); tỷ lệ giường bệnh đạt 23,58/01 vạn dân, đạt ở mức cao so với bình quân chung cả nước.

- Cơ sở y tế tư nhân: Trên địa bàn thành phố có: 231 cơ sở, bao gồm: Cơ sở chẩn trị Y học cổ truyền: 28 cơ sở; Phòng khám chuyên khoa: mắt, răng, hàm, mặt: 67 cơ sở; Cơ sở kinh doanh dịch vụ y tế: 11 cơ sở; Cơ sở kinh doanh thuốc tây: 113 cơ sở; Cơ sở kinh doanh kính thuốc: 12 cơ sở.

- Dịch vụ y tế ngoài hệ thống bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế thì các phòng khám tư nhân được quản lý chặt chẽ, đảm bảo cung cấp chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân trong và ngoài thành phố. Hệ thống y tế tiếp tục được củng cố và phát triển về quy mô và chất lượng hoạt động, dịch vụ khám chữa bệnh đáp ứng nhu cầu của nhân dân địa phương và các khu vực lân cận; các Trạm y tế của phường, xã đều 100% đạt chuẩn Quốc gia theo tiêu chí mới.

Các hoạt động thuộc chương trình mục tiêu về y tế quốc gia, về sức khỏe môi trường, y tế học đường, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em ... được triển khai thực hiện có hiệu quả; công tác khám chữa bệnh bảo hiểm y tế được triển khai đến tuyến xã.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, thể thấp còi 13,5%; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo cân nặng theo tuổi 11%.

Tổng vốn đầu tư xây dựng, sửa chữa và đầu tư trang thiết bị cho các trạm y tế xã từ năm 2011 đến tháng 12 năm 2018 là: 19.150 triệu đồng; gồm: ngân sách tỉnh: 8.000 triệu đồng; ngân sách thành phố: 1.135 triệu đồng; ngân sách xã: 7.515 triệu đồng (*Xã Phú Cường đầu tư sửa chữa trạm Y tế xã, xã Quảng Châu đầu tư xây mới trạm y tế*); vốn doanh nghiệp: 2.500 triệu đồng. Các trạm y tế hàng năm được tiếp tục đầu tư thêm các trang thiết bị và dụng cụ y tế phục vụ việc khám chữa bệnh cho người dân. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 10 xã đến nay đạt trên 85%.

Hằng năm công tác khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, dịch vụ y tế trên địa bàn thành phố được triển khai hiệu quả đến tuyến xã. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực của hệ thống y tế cơ sở được tăng cường đầu tư; công tác giám sát dịch tễ được chủ động triển khai và không để dịch bệnh xảy ra. Đến nay có 10/10 xã đạt chuẩn về tiêu chí y tế.

2.4.3. Về văn hóa:

Trong những năm qua thành phố đã thực hiện khá tốt phong trào xây dựng văn hóa, nếp sống văn minh đô thị, xây dựng các khu phố văn hóa và các làng văn hóa; trên địa bàn toàn thành phố có 88/89 khu phố, làng văn hóa đạt văn hóa, 90% cơ quan, đơn vị đạt văn hóa; 92,02% gia đình văn hóa; trong đó có 10/10 xã đạt chuẩn về tiêu chí văn hóa, có 48/49 thôn có nhà văn hóa hoặc điểm công cộng (đình, đền, chùa) để sinh hoạt và tổ chức các hoạt động (trong đó có 48/49 thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa, đạt 98,9%). Trên cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” gắn với xây dựng NTM đã động viên, khơi dậy tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, chung sức xây dựng NTM trong các tầng lớp nhân dân. Phong trào xây dựng thôn văn hóa, gia đình văn hóa ngày càng phát triển sâu rộng. So với bộ tiêu chí thành phố có 10/10 xã đạt tiêu chí văn hóa 48/49 thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu “làng văn hóa”.

2.4.4. Môi trường và an toàn thực phẩm:

Thành phố có một Công ty TNHH MTV Môi trường và Công trình đô thị với lực lượng 210 lao động, với quy mô hoạt động toàn thành phố với 05 xe ép rác, vận chuyển rác, 250 xe thu gom rác, 02 xe cầu chuyên dụng cắt cây và sửa chữa đường điện; thành phố đã đầu tư xây dựng Khu xử lý chất thải rắn theo mô hình ô chôn lấp hợp vệ sinh đã đưa vào sử dụng với quy mô sử dụng đất là 12,55ha, bước đầu đáp ứng được yêu cầu; Tỷ lệ rác thải được thu gom, vận chuyển xử lý ở khu vực nội thành đạt 100% của toàn thành phố là 86%; với số tuyến đường được quét, thu gom là 138 tuyến, tổng chiều dài 60,69 km với tổng lượng rác thải khoảng 25.000 tấn/năm. Hằng năm hoạt động bảo vệ môi trường nông thôn, an toàn thực phẩm ngày càng được cấp ủy, chính quyền từ thành phố đến các xã quan tâm chỉ đạo. Các khu vực và cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đã được kiểm tra và chấn chỉnh kịp thời; kết quả thực hiện vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm đã đạt kết quả tích cực:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định:

Công trình cấp nước: Thành phố chỉ đạo các đơn vị cung cấp nước sạch trên địa bàn (tại thành phố có 2 đơn vị cấp nước đó là Công ty TNHH nước sạch Phú Cường, Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Hưng Yên, ở huyện lân cận có 1 đơn vị cấp nước cho một số xã khu vực phía nam thành phố) đã tập trung đầu tư xây dựng hoàn thiện nhà máy, trạm cấp nước phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của thành phố, lắp đặt, thay thế 46,59 km đường ống cấp nước các loại.....

Hệ thống cung cấp nước sạch nông thôn tiếp tục được tập trung đầu tư, tiến độ đầu nối cấp nước cho người dân được đẩy nhanh, góp phần nâng tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh từ 80% năm 2011 lên trên 97% năm 2018; trong đó tỷ hộ dân ở 10 xã dùng nước sạch trên 68%; trong năm 2017 và

năm 2018 UBND xã Phú Cường lắp đặt nước sạch sinh hoạt với 1.206 hộ, tổng nguồn vốn thành phố 900 triệu đồng và từ nhân dân đóng góp 3.136 triệu đồng.

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định: Trên địa bàn thành phố hiện có: 531 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ thực phẩm và bếp ăn tập thể, trong đó cấp tỉnh quản lý: 80 cơ sở, thành phố quản lý 451 cơ sở; 43 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm; 25 hộ gia đình có lò ấp trứng vịt; trong đó có trên 772 chủ hộ chăn nuôi lợn theo mô hình trang trại và gia trại: Có 29 trang trại và 693 gia trại tập trung ở các xã, số lợn đang nuôi trên 58.832 con, đàn trâu, bò 11.380 con, đàn gia cầm 391.000 con; diện tích nuôi trồng thủy sản trên 230 ha, ngoài diện tích nuôi cá trong ao hồ thành phố còn tổ chức nuôi cá lồng bè trên sông Hồng đã có 11 hộ nuôi 199 lồng cá; trong những năm qua tỉnh và thành phố đã quan tâm hướng dẫn, giúp đỡ các trang trại, gia trại chăn nuôi phát triển theo hướng bền vững, hỗ trợ vắc xin phòng chống dịch bệnh cho vật nuôi, đảm bảo an toàn dịch bệnh, tuyên truyền nhân dân sử dụng hầm Biogas, ứng dụng máy ép phân, để xử lý chất thải chăn nuôi bảo vệ môi trường và sản xuất phân bón hữu cơ chất lượng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Làng nghề trên địa bàn: thành phố có 04 làng nghề đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận, từ khi thành lập đều duy trì hoạt động tốt, trong đó: Có 01 làng nghề sản xuất hương thơm, thôn Cao, xã Bảo Khê được cấp Giấy chứng nhận năm 2011, có điểm tập kết rác thải đảm bảo vệ sinh, có tổ thu gom rác để vận chuyển ra khu tập kết rác; có 03 làng nghề chế biến nông sản: Làng nghề thôn Phương Trung, Phương Chiều được cấp Giấy chứng nhận năm 2013; làng nghề chế biến nông sản bún đậu Viên Tiêu, Tân Hưng được cấp Giấy chứng nhận năm 2013; làng nghề chế biến nông sản Điện Biên, Hồng Nam được cấp Giấy chứng nhận năm 2016; các làng nghề chế biến nông sản có nước thải đều được xử lý qua hầm Biogas dẫn tới hệ thống tiêu thoát nước thải, không để xảy ra hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng.

- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Thực hiện Kế hoạch số 70/KH-UBND, ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về Triển khai xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Kế hoạch số: 13- KH/ BCĐ ngày 27/8/2018 của Ban chỉ đạo Chương trình 10 về tổ chức Lễ ra quân phát động phong trào “*Chiều thứ 6: Vì môi trường thành phố Hưng Yên sạch- đẹp*” năm 2018; ngày 17/9/2018, UBND thành phố Hưng Yên đã ban hành Kế hoạch số 116/KH-UBND về việc triển khai xây dựng mô hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, tuyến đường hoa giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn thành phố; căn cứ Kế hoạch của tỉnh và thành phố, UBND 10 xã đã triển khai xây dựng kế hoạch trồng hoa, vệ sinh các tuyến đường của địa phương và đồng thời thực hiện phong trào “*Chiều thứ 6: Vì môi trường thành phố Hưng Yên sạch- đẹp*” do thành phố Hưng Yên phát động; tính đến cuối tháng 12/2018 sau khi thành phố phát

động triển khai thực hiện kế hoạch trồng hoa và vệ sinh môi trường đợt I các xã đã tổ chức thu gom và vận chuyển trên 1.200 tấn rác thải tồn đọng; đồng thời thực hiện trồng hoa trên các tuyến đường hoa theo đăng ký trên 23 tuyến đường, chiều dài tuyến đường có vị trí trồng hoa, số đã trồng: 15.620m (tương đương với 781 m²); trong đó một số địa phương đã triển khai trồng được nhiều hoa trên địa bàn toàn xã là: Xã Hồng Nam 5.000m, xã Phú Cường 4.000m, xã Hùng Cường 1.820m, xã Phương Chiều 1.500m và xã Trung Nghĩa 1.300m... Hệ thống ao, hồ sinh thái trong khu dân cư được bảo đảm, tạo mặt thoáng, điều tiết khí hậu, tạo cảnh quan đẹp, kết hợp phát triển chăn nuôi, thủy sản, tạo nguồn lợi kinh tế.

- Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Trên địa bàn thành phố có 02 nghĩa trang nhân dân chung và 10/10 xã có 36 nghĩa trang nhân dân riêng, được quy hoạch thể hiện trong quy hoạch chung của thành phố và trong đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới của 10 xã, các địa phương đều thực hiện mai táng phù hợp theo quy hoạch, được đầu tư, chỉnh trang, xây dựng theo quy hoạch; các nghĩa trang đều được xây dựng quy chế quản lý và được UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc mai táng được thực hiện phù hợp với quy định, hằng năm thành phố đều tổ chức tuyên truyền tới chính quyền địa phương cùng nhân dân, khi có người thân qua đời không để trong nhà quá 24 giờ; tuyên truyền, vận động người dân áp dụng hình thức mai táng hoặc hỏa táng theo quy định, không bắc rạp ra lòng đường để đảm bảo an toàn giao thông, kèn, trống không được phóng quá to bằng loa nén, khi đưa tiễn người qua cố không rắc vàng, mã trên đường giao thông để đảm bảo mỹ quan đô thị; đồng thời thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo quy định.

- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định:

Thành phố đã đầu tư khu xử lý rác thải rắn tập trung tại khu vực phường An Tảo, giáp với xã Bảo Khê, theo phương pháp chôn lấp rác hợp vệ sinh; đồng thời UBND tỉnh đồng ý cho Công ty Sa mạc xanh xây dựng lò đốt rác cạnh khu vực chôn rác này, theo phương pháp điện rác thử nghiệm. Các xã có 56 tổ vận chuyển với 120 lao động, có 56 điểm thu gom, container chứa rác thải và vận chuyển về khu xử lý rác thải của thành phố và 2 bãi chôn lấp rác thải tại xã Hoàng Hanh và xã Phú Cường đã góp phần bảo vệ cảnh quan và hạn chế ô nhiễm môi trường; thành phố thường xuyên tuyên truyền các hộ dân phân loại và xử lý rác thải tại gia đình, hỗ trợ các hộ gia đình thiết bị, chế phẩm sinh học để xử lý rác thải tại gia đình, đồng thời thành phố hỗ trợ kinh phí cho 10 xã xây dựng 21 điểm thu gom rác, 4 bãi chứa rác, 16 container chứa rác thải, 175 xe chở rác, 300 thùng xử lý rác, 10.475 nắp đậy hố xử lý rác, 21.550 gói chế phẩm xử lý rác thải; Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ nhân dân các xã lắp đặt 560 hầm khí Biogas. Đối với rác thải ngoài đồng ruộng: UBND

thành phố giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố hướng dẫn các xã xây dựng bể chứa bao bì, vỏ chai thuốc bảo vệ thực vật tại các vùng sản xuất trên địa bàn các xã, với trên 110 điểm thu gom để định kỳ xử lý, tiêu hủy theo quy định.

Hệ thống xử lý nước thải: Thành phố đang triển khai xây dựng hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý nước thải, với quy mô 10 ha tại xã Bảo Khê; xây dựng mạng lưới đường ống thoát nước (8,5 km đường ống hỗn hợp; 5,6 Km đường ống chính và 5,6 Km cống hộp) hiện đang thi công được trên 80% khối lượng công việc.

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn có 03 công trình sinh hoạt (nhà tiêu, nhà tắm, bể nước) đạt tiêu chuẩn vệ sinh đạt trên 98%; chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường, mà qua hố phân tự hoại xây theo quy định, không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác đến sinh nở; nhà tắm có tường bao, có mái tre, có hệ thống thu gom thoát nước, không để chảy tràn ra môi trường; bể chứa nước đảm bảo đủ lớn, hộp vệ sinh đáp ứng nhu cầu sử dụng của các thành viên trong gia đình .

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đạt trên 81%; hàng năm được tỉnh và thành phố quan tâm đầu tư thêm đệm lót và hướng dẫn chăn nuôi theo hướng vệ sinh an toàn sinh học.

- Công tác cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

+ Hiện thành phố có 110 cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (*Năm 2018 cấp 16 giấy*); trong đó: lĩnh vực quản lý của ngành Y tế cấp 74 giấy (*Năm 2018 cấp 8 giấy*), ngành Công thương 17 giấy (*Năm 2018 cấp 04 giấy*), Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là 19 giấy (*Năm 2018 cấp 04 giấy*).

+ Đã cấp 640 Giấy xác nhận kiến thức ATTP; trong đó: ngành Y tế cấp 523 giấy (*Năm 2018 cấp 16 giấy*), ngành Công thương cấp 33 giấy, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp 84 giấy.

+ An toàn thực phẩm: Hộ sản xuất buôn bán trên địa bàn 10 xã được cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm: 153/153 cơ sở đạt 100%.

- Công tác kiểm tra, giám sát ATTP: Thành phố đã xác định đây là công việc quan trọng phải được tiến hành thường xuyên, liên tục từ thành phố đến các phường, xã, nhằm mục đích đôn đốc, nhắc nhở và phát hiện kịp thời để ngăn chặn và xử lý những vi phạm pháp luật về vệ sinh thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm. Công tác kiểm tra được tiến hành với sự tham gia của nhiều ban, ngành như: Y tế, Công an, Kinh tế, Trung tâm Y tế, Thú y...

- Công tác quản lý cơ sở thực phẩm theo phân cấp quản lý:

Hiện thành phố có 531 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ thực phẩm và bếp ăn tập thể (*có địa chỉ cụ thể*); trong đó cấp tỉnh quản lý: 80 cơ sở,

thành phố quản lý 451 cơ sở; có 17 chợ, trong đó 02 chợ điểm về Vệ sinh an toàn thực phẩm (*Chợ Dầu và Chợ Dầu*); 03 cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn. Hàng năm, thành phố yêu cầu phường, xã rà soát, tổng hợp các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh dịch vụ thực phẩm, nhà hàng, khách sạn, bếp ăn tập thể, báo cáo về thành phố để theo dõi, quản lý.

Số cơ sở lập thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp Giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (hoặc tương đương); tổng số: 88 cơ sở, trong đó: số cơ sở đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy: 8 cơ sở; số cơ sở đề nghị UBND thành phố cấp giấy: 71 cơ sở, trong đó 10 xã có 17 cơ sở.

- Tổng kinh phí đầu tư giai đoạn năm 2011 đến tháng 12/2018 cho 10 xã đạt 21.786 triệu đồng; trong đó ngân sách tỉnh đã đầu tư hỗ trợ kinh phí 9.800 triệu đồng, ngân sách thành phố đầu tư 7.630 triệu đồng; ngân sách xã 1.220 triệu đồng; cộng đồng dân cư đóng góp 3.136 triệu đồng.

Trong những năm qua thành phố đã đầu tư cho Công ty TNHH MTV môi trường và công trình đô thị thành phố Hưng Yên và các xã trang thiết bị, vật tư nhân lực để thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, nước thải, khơi thông cống rãnh, đã đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn thành phố; UBND 10 xã đã triển khai xây dựng kế hoạch và thực hiện trồng hoa, vệ sinh các tuyến đường của địa phương và đồng thời thực hiện phong trào "*Chiều thứ 6: Vì môi trường thành phố Hưng Yên sạch- đẹp*" do thành phố Hưng Yên phát động, đã đạt kết quả tích cực, người dân đã có ý thức tự giác tham gia vệ sinh môi trường, góp phần làm cho đường làng, ngõ xóm phong quang, sạch đẹp hơn.

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội

2.5.1. Về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

- Về xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh: Trong những năm qua, công tác xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở đạt trong sạch vững mạnh luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Hệ thống chính trị ở cơ sở luôn được củng cố và kiện toàn. Đến nay tất cả các xã, thôn đều có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị theo quy định. Chất lượng đội ngũ các bộ, công chức của 10/10 xã có 100% đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ (bình quân mỗi xã có từ 20- 22 cán bộ, công chức theo loại xã). Năm 2018, Đảng bộ các xã được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chính quyền các xã đều đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh" và "trong sạch vững mạnh tiêu biểu"; Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của các xã đều đạt tiên tiến trở lên; các xã đều đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở đạt chuẩn được quan tâm, do đó đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đã có bước trưởng thành nhanh, năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng vận động quần chúng

được nâng lên, hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của chính quyền cấp xã đã được nâng lên rõ rệt. Bên cạnh đó các xã thường xuyên duy trì và thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện tốt việc giám sát cộng đồng trong xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội. Vai trò hạt nhân trong lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tổ chức cơ sở đảng tiếp tục được giữ vững. Trong quá trình triển khai Chương trình xây dựng NTM, nhiều cấp ủy đảng cơ sở đã chủ động lựa chọn những vấn đề bức xúc, nổi cộm ở địa phương để bàn bạc, thảo luận trong cấp ủy và xây dựng thành nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo thực hiện có kết quả, giữ vững an ninh, trật tự ở cơ sở. Nhờ vậy uy tín của tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền ngày càng được nâng cao; sự phối hợp giữa chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong thực hiện xây dựng NTM ngày càng cụ thể và hiệu quả, tạo sự nhất trí và đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị.

- Năm 2018 có 10/10 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định của UBND thành phố và thông báo của UBND tỉnh.

- Về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực: Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình luôn được duy trì hoạt động, bảo vệ hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong cuộc sống, xã hội; tỷ lệ cán bộ nữ tham gia cấp ủy ở các xã chiếm trên 15%. Hằng năm cán bộ nữ đều được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

- Số lượng/Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2015-2020 (cấp thành phố và phường, xã): Thành phố: $04/39=10,25\%$; phường, xã: $63/255 = 24,7\%$

- Số lượng/Tỷ lệ nữ tham gia HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021(cấp thành phố và phường, xã): Thành phố: $35,48\%$; phường, xã: $31,36\%$.

- Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt tại UBND cấp thành phố: 0% ; phường, xã: $11,76\%$.

- Đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội: Số lượng và tỷ lệ nữ giữ chức vụ chủ chốt: $9/29 = 31,03\%$.

2.5.2. Về Quốc phòng - An ninh:

- Công tác quân sự, quốc phòng địa phương: Ban chỉ huy quân sự thành phố luôn thực hiện tốt chức năng tham mưu, ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương; đã tổ chức giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho 1.813 đồng chí thuộc đối tượng theo quy định. Thường xuyên phối hợp với Công an thành phố thực hiện tốt Nghị định số 77/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 của Chính phủ về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc Phòng trong việc thực hiện bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Giao đủ chỉ tiêu công dân nhập ngũ, được 1.315 người; tuyển sinh được 510 công dân vào các Học viện, Trường sỹ quan trong

Quân đội, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên đúng, đủ, đảm bảo chất lượng hoạt động, hằng năm có điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với tình hình địa phương và có tính khả thi cao. Tổ chức huấn luyện, diễn tập theo quy định, quân số đảm bảo trên 98,5%; kết quả 100% đạt yêu cầu, trên 78% khá, giỏi, an toàn tuyệt đối; làm tốt công tác chính sách hậu phương Quân đội, người có công, xét duyệt và đề nghị cấp trên trợ cấp một lần cho 3.755 đối tượng theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Từ năm 2010 đến nay, đều hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương, được Quân khu 3 tặng thưởng “Đơn vị Quyết thắng” và UBND tỉnh tặng 07 Bằng khen; Đảng bộ Quân sự thành phố năm 2010- 2013 và năm 2015- 2017 đạt “trong sạch, vững mạnh” được Thành ủy tặng giấy khen; năm 2018 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Thành ủy tặng giấy khen,

- Công tác đảm bảo an ninh, trật tự xã hội:

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, hằng năm Thành ủy xây dựng các nghị quyết chuyên đề về công tác an ninh trật tự; UBND thành phố đã xây dựng, ban hành kế hoạch công tác để chỉ đạo triển khai thực hiện công tác an ninh trật tự trên địa bàn gắn với xây dựng nông thôn mới; Đảng ủy, UBND các xã xây dựng và triển khai thực hiện nghị quyết, kế hoạch về công tác an ninh tại cơ sở. Ban chỉ huy Quân sự thành phố cùng Công an thành phố phối hợp với cấp ủy chính quyền xây dựng kế hoạch triển khai các giải pháp đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự, chỉ đạo hướng dẫn các xã xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, thường xuyên vận động, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của nhân dân, chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; chủ động đấu tranh, ngăn chặn âm mưu hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phòng ngừa đấu tranh các loại tội phạm, nhằm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường lành mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Vì thế, đến nay thành phố Hưng Yên không còn tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật, không còn tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; tình trạng tội phạm hình sự giảm dần qua các năm. Năm 2018 an ninh chính trị ổn định, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh đô thị, an ninh nông thôn được đảm bảo, không để xảy ra diễn biến phức tạp, đột xuất, bất ngờ; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo: năm 2018 tổng số vụ vi phạm pháp luật hình sự xảy ra 139 vụ, 261 đối tượng (giảm 34 vụ, 40 đối tượng).

Trong những năm qua Thành phố đã tập trung chỉ đạo xây dựng lực lượng công an xã, lực lượng nòng cốt ở cơ sở thực hiện hiện nhiệm vụ giữ vững an ninh trật tự xã hội ở nông thôn, đồng thời chỉ đạo tăng cường tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về an ninh trật tự cho lực lượng nòng cốt ở

cơ sở và cho người dân ở nông thôn; qua đó, đã nắm bắt kịp thời tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân, nâng cao ý thức cảnh giác, góp phần làm tốt công tác phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội ở nông thôn, xử lý tốt các vấn đề phức tạp phát sinh, tạo sự chuyển biến rõ nét về trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn. Có 10/10 xã đạt chuẩn về tiêu chí Quốc phòng và an ninh theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh.

2.6. Tổng hợp đánh giá sự hài lòng của người dân:

Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt nam tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt nam thành phố phối hợp với ban thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc các xã tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn thành phố về kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố Hưng Yên.

Thực hiện đúng quy định, trình tự, thủ tục hồ sơ xét đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt nam thành phố đã phối hợp với các xã tổ chức họp dân tại các thôn của xã để biểu quyết việc đồng ý trình xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã và của thành phố. Tổng số 7.960 người dân lấy ý kiến (đạt tỷ lệ 25% dân số của toàn thành phố), được phân bổ về 17 phường, xã.

Kết quả thực hiện: Tổng số phiếu phát ra 7.960 phiếu, tổng số phiếu thu về: 7.960 phiếu. Tổng hợp kết quả thực hiện sau khi lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân về kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hưng Yên thể hiện từ câu hỏi số 1 đến câu hỏi số 9: đều có từ 86,61% trở lên số người được hỏi trả lời hài lòng. Câu hỏi số 10: có 90,41% người được hỏi hài lòng.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã làm được:

- Trong những năm qua Đảng bộ, chính quyền thành phố đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt cùng với sự tham gia của MTTQVN thành phố, các tổ chức đoàn thể chính trị, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của thành phố đạt được kết quả khá toàn diện, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội của thành phố.

- Công tác tuyên truyền được triển khai tích cực tới cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân về nội dung, mục đích, ý nghĩa xây dựng nông thôn mới, tạo được sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực của các cấp, các ngành và

các tầng lớp nhân dân, từng bước nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về lợi ích và trách nhiệm trong việc xây dựng nông thôn mới, tự nguyện góp công sức, trí tuệ, tiền của, hiến đất xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

- Cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị – xã hội từ thành phố đến các xã được củng cố tăng cường; đội ngũ cán bộ, công chức các xã được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn các xã tiếp tục được giữ vững, nhân dân phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền cơ sở.

- Kết quả thực hiện: Sau 8 năm triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố, diện mạo của nông thôn được khởi sắc, kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn có nhiều thay đổi, đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh; sản xuất nông nghiệp tăng trưởng khá, cơ cấu nông nghiệp và cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển biến theo hướng tích cực, sản lượng, chất lượng sản phẩm nông nghiệp đều tăng. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp, tăng thu nhập cho người lao động nông thôn, đời sống vật chất, tinh thần của nông dân ngày càng nâng cao. Cùng với sự phát triển và đô thị hoá, diện mạo nông thôn mới trên địa bàn thành phố có sự hiện đại hóa vào với bản sắc đặc trưng của khu vực nông thôn nhờ sự tiếp cận về mặt địa lý đối với khu vực nội thành (đặc biệt như các xã: Bảo Khê, Trung Nghĩa, Liên Phương đang phấn đấu trở thành phường). Với quyết tâm của cả hệ thống chính trị của thành phố và các xã, đến nay thành phố đã có 10/10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đặc biệt hơn cả đó là thành phố không có nợ đọng đầu tư xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới; đây là các điều kiện quan trọng để thành phố có cơ sở trình cấp có thẩm quyền xem xét, công nhận thành phố Hưng Yên là địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong năm 2018.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế:

- Việc huy động nguồn lực cho xây dựng NTM còn gặp nhiều khó khăn, tiến độ triển khai một số công trình, dự án đầu tư phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt ở nông thôn còn chậm. Vốn ngân sách nhà nước (*kể cả vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác*) còn thấp so với yêu cầu; vốn huy động trong dân chưa được nhiều; việc đầu tư của doanh nghiệp vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế.

- Kinh tế hợp tác ở nông thôn có phát triển, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức lại sản xuất. Liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế. Việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất chưa

nhiều; nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển chưa tương xứng. Việc duy trì các làng nghề truyền thống còn gặp nhiều khó khăn, sản phẩm của nhiều làng nghề chất lượng chưa cao, mẫu mã chưa đẹp nên gặp nhiều khó khăn trong khâu tiêu thụ.

- Nhiều đường làng, ngõ, xóm nhỏ, hẹp, nhiều hộ dân đã xây nhà kiên cố, bán kiên cố, khi thực hiện giải phóng mặt bằng để tiếp tục mở rộng quy hoạch nhằm mục đích nâng cao hơn nữa các tiêu chí xây dựng nông thôn mới gặp nhiều khó khăn.

2.2. Nguyên nhân:

- Xây dựng NTM là một chương trình lớn với những mục tiêu đề ra tương đối cao đòi hỏi nguồn lực từ ngân sách nhà nước và nguồn lực từ nguồn vốn xã hội hóa, tuy nhiên trong giai đoạn triển khai thực hiện có thời điểm nguồn thu của thành phố bị ảnh hưởng bởi giá bất động sản trầm lắng ở giai đoạn 2011 - 2013.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ cơ sở, đảng viên và người dân khu vực nông thôn còn hạn chế, nhất là tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư từ ngân sách nhà nước, tính tự lực, tự cường chưa phát huy đúng mức. Chưa hiểu hết lợi ích thiết thực của phong trào xây dựng nông thôn mới, từ đó chưa thể hiện hết vai trò, trách nhiệm trong xây dựng nông thôn mới.

- Một số xã chưa làm hết trách nhiệm trong việc tuyên truyền, vận động xây dựng NTM, cũng như huy động các nguồn lực xã hội cho xây dựng NTM. Việc thu hút vốn đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế.

- Quy hoạch chi tiết và kế hoạch sử dụng đất tại khu Đại học Phó Hiến triển khai thực hiện chậm hơn so với kế hoạch, nên có ảnh hưởng đến đầu tư cho sản xuất nông nghiệp và thu nhập của người dân.

- Giá bất động sản đóng băng trong thời gian dài nên nguồn kinh phí thu từ đấu giá QSDĐ của thành phố nói chung, của các xã nói riêng gặp khó khăn, do đó làm hạn chế nguồn lực về kinh phí để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới. Việc đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu còn hạn chế, đã ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng nông thôn mới.

3. Bài học kinh nghiệm

- Thứ nhất: Xây dựng NTM trước hết phải làm tốt công tác tuyên truyền để cả hệ thống chính trị và nhân dân nhận thức đúng và đầy đủ về xây dựng NTM. Phải làm cho người dân xác định chính họ là chủ thể của xây dựng NTM thì Chương trình mới thật sự thành công.

- Thứ hai: Cần xác định những mục tiêu trọng điểm và tập trung thực hiện tốt, từ đó tạo niềm tin và khí thế phấn khởi cho người dân, khơi dậy và phát huy được vai trò chủ thể của dân trong xây dựng NTM.

- Thứ ba: Thực tiễn cho thấy ở xã, thôn nào có sự đoàn kết, phát huy dân chủ cao, người đứng đầu quyết liệt vào cuộc thì xây dựng NTM ở nơi đó đạt kết

quả tốt. Việc huy động và sử dụng các nguồn lực trong xây dựng NTM phải đảm bảo thật sự dân chủ, người dân được tham gia bàn bạc, quyết định và có sự giám sát của cộng đồng dân cư để đảm bảo công khai, minh bạch.

- Thứ tư: Xây dựng NTM là một quá trình lâu dài, không được chủ quan, nóng vội, chạy theo thành tích, nhưng phải hết sức tích cực, quyết liệt, vừa làm vừa rút kinh nghiệm hoàn thiện.

- Thứ năm: Cần kịp thời khen thưởng, biểu dương những cá nhân, tổ chức tích cực tham gia đóng góp xây dựng.

VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TIÊU CHÍ NTM

1. Quan điểm:

Năm 2019 và những năm tiếp theo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018- 2020, xây dựng các khu dân cư kiểu mẫu, xã nông thôn mới kiểu mẫu; nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững. nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, cảnh quan, không gian, môi trường nông thôn được cải thiện.

2. Mục tiêu:

2.1. Mục tiêu chung:

Tiếp tục xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố theo hướng phát triển có tính chất đồng bộ, hiện đại và gắn kết với đô thị. Chú trọng phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn toàn diện, bền vững dựa trên lợi thế, thế mạnh của từng địa phương. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế và có hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại. Chú trọng môi trường sinh thái khu vực nông thôn; nâng cao thu nhập, chất lượng sống người dân; đảm bảo dân chủ, an toàn, an ninh trật tự khu vực nông thôn; xây dựng hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh đô thị, nâng cao đời sống của nhân dân, đưa thành phố Hưng Yên ngày càng giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Tiếp tục củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng 19/19 tiêu chí đã đạt được với phương châm phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững gắn với phát triển đô thị. Năm 2019: Phấn đấu 10 xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Lựa chọn từ 01 - 02 khu dân cư/xã để xây dựng làm điểm khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Chọn xã Hồng Nam làm điểm xã nông thôn mới kiểu mẫu. Năm 2020 đến năm 2024: các xã còn lại phấn đấu xã đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu, trong đó 03 xã: Trung Nghĩa, Liên Phương và Bảo Khê phấn đấu trở thành phường. Năm 2025:

Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí theo Bộ tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu của Trung ương và của tỉnh Hưng Yên.

- Tiếp tục phát triển hoàn thiện hạ tầng nông thôn, hạ tầng kinh tế - xã hội đảm bảo hiện đại, đáp ứng được tốt nhất nhu cầu dân sinh và sản xuất của cộng đồng dân cư; phát triển sản xuất, tạo việc làm và thu nhập cho người dân; phát triển văn hóa - xã hội dân trí, đời sống vật chất và tinh thần cho người dân được nâng cao; bảo vệ môi trường, tạo cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp; bảo đảm an toàn an ninh trong khu dân cư. Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị và giữ vững an ninh, trật tự xã hội, quốc phòng và an ninh được bảo đảm.

- Trước mắt tiếp tục triển khai chỉnh trang các tuyến đường nông thôn kiểu mẫu mà các xã đã đăng ký tự quản với diện mạo xanh - sạch - đẹp, duy trì và nhân rộng các tuyến đường hoa kiểu mẫu ở khu vực nông thôn, từ đó hình thành các khu dân cư kiểu mẫu tiến tới triển khai rộng khắp, đồng bộ trong việc xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tập trung triển khai thực hiện chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, phát triển thương mại theo quy hoạch; thực hiện các giải pháp để đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả kinh tế các làng nghề, phát triển HTX, trang trại, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm; tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Phân đấu nâng cao thu nhập cho người dân ở khu vực nông thôn đến năm 2020 đạt trên 56 triệu đồng/ người/năm.

3. Nội dung nâng cao chất lượng các tiêu chí:

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện các văn bản và hướng dẫn của UBND tỉnh, Chương trình xây dựng nông thôn mới của thành phố; trong đó tập trung thực hiện Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 01/3/2017 của UBND tỉnh Hưng Yên về xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016- 2020 ; Kế hoạch của UBND tỉnh Hưng Yên về xây dựng nông thôn mới năm 2019; Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc triển khai xây dựng mô hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018 - 2020, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Hướng dẫn số 35/ BCD- VPĐP ngày 02/8/2018 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia tỉnh Hưng Yên về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018- 2020.

3.1. Một số nội dung trọng tâm xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:

- Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo các yêu cầu về phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Lĩnh vực phát triển kinh tế nông thôn nâng cao đời sống nhân dân: Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, thực phẩm sạch, thực hiện mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ; giải quyết việc làm cho người lao động nông thôn thông qua các mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức lại sản xuất; đảm bảo thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, cao hơn 1,2 - 1,25 lần so với thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm dưới 0,5 %.

- Giáo dục, Y tế, Văn hóa: Nâng cao trình độ dân trí của người dân, duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3; tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt từ 65% trở lên; chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được bảo đảm; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm cho người; chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được bảo đảm, thu hút nhiều người dân tham gia, bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương.

- Lĩnh vực cảnh quan môi trường:

Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% số hộ dân trên địa bàn các xã. Cảnh quan, không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, giữ gìn được bản sắc văn hóa tốt đẹp của địa phương trên địa bàn toàn xã; có mô hình phân loại rác thải tại nguồn, rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo quy định.

- Lĩnh vực an ninh trật tự - hành chính công:

An ninh trật tự được bảo đảm, nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; có các mô hình tự quản, liên kết, bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính; giải quyết các thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân bảo đảm đúng quy định.

Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng; cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.

3.2. Triển khai thực hiện mô hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và xã nông thôn mới kiểu mẫu:

- Từng khu dân cư được chọn làm điểm tiến hành rà soát, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện đạt các tiêu chí theo quy định.

- Phát triển hạ tầng đảm bảo hiện đại, đáp ứng được tốt nhất các yêu cầu dân sinh và sản xuất của cộng đồng dân cư.

- Phát triển sản xuất, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Phát triển văn hóa - xã hội và nâng cao đời sống tinh thần cho người dân.

- Bảo vệ môi trường, tạo cảnh quan khu dân cư sáng - xanh - sạch - đẹp bảo đảm an ninh trong khu dân cư.

(Nội dung này sẽ được xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể).

4. Một số giải pháp chính thời gian tới:

Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện những giải pháp đề ra trong Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố Hưng Yên giai đoạn 2016 - 2020; thời gian tới thành phố chú trọng thực hiện tốt các nhóm giải pháp, đó là:

- Công tác tuyên truyền:

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền thi đua xây dựng NTM kiểu mẫu đến từng hộ dân và từng người dân bằng nhiều hình thức, phong phú, thiết thực để nhân dân hiểu rõ vai trò chủ thể trong công cuộc xây dựng nông thôn mới. Cơ quan thông tin đại chúng tiếp tục tăng cường đưa tin, bài, chuyên mục và thời lượng phát sóng tuyên truyền về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nhằm tiếp tục thông tin kịp thời đến người dân.

+ Tăng cường việc phối hợp giữa các phòng, ban, tổ chức đoàn thể của thành phố với UBND các xã, để cùng tham gia xây dựng các chương trình, dự án, đề án phù hợp với công cuộc xây dựng nông thôn mới.

- Công tác đào tạo, tập huấn:

Thực hiện tốt việc phối hợp với các ngành chức năng liên quan của tỉnh, thành phố hướng dẫn giúp đỡ các xã thực hiện công tác chuyên môn để nâng cao chất lượng các tiêu chí và phân đấu xây dựng các khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới kiểu mẫu.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế chính sách về xây dựng NTM:

+ Khuyến khích, tạo điều kiện để ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp nhằm mục đích tăng năng suất, sản lượng và giá trị sản phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp.

+ Khuyến khích và thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp; thực hiện tốt chính sách của tỉnh về liên kết giữa hộ nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

+ Thực hiện tốt chính sách về dạy nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn sau dồn thửa đổi ruộng theo hai hướng: Tập trung đào tạo, bồi dưỡng kiến

thức, kỹ năng tay nghề để nâng cao năng suất và chất lượng công việc cho người lao động đối với nhóm lao động ở lại làm nông nghiệp; đối với nhóm lao động có xu hướng dịch chuyển khỏi lĩnh vực nông nghiệp, thực hiện kết hợp với doanh nghiệp tuyển dụng lao động, đào tạo nghề theo nhu cầu sử dụng lao động hoặc tiếp tục nghiên cứu đề xuất tình ban hành cơ chế đào tạo những ngành nghề mới phù hợp để người lao động dễ dàng tìm được việc làm ở những lĩnh vực mới.

+ Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ xử lý rác thải, nước thải, nước sinh hoạt ở nông thôn. Trước mắt, trình tỉnh chấp thuận chủ trương triển khai thí điểm ứng dụng công nghệ xử lý rác thải bằng lò đốt, dự kiến triển khai ở 02 xã Hùng Cường và Phú Cường, sau đó nhân rộng tới các xã trên địa bàn.

- **Về khoa học công nghệ:** Ứng dụng rộng rãi các quy trình công nghệ mới, kỹ thuật tiên tiến; đưa các giống cây trồng, vật nuôi mới, có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất; đẩy mạnh đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp; ưu tiên đầu tư và thu hút đầu tư phát triển công nghệ chế biến tiên tiến, hiện đại, gắn sản xuất với công nghệ chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng đối với các sản phẩm lợi thế của thành phố.

- **Công tác kiểm tra, giám sát:** Tăng cường trách nhiệm của các đồng chí thành ủy viên phụ trách xã và thành viên Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố; định kỳ kiểm tra tiến độ thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, chủ động đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các xã.

- **Công tác huy động nguồn lực:** Đẩy mạnh công tác xử lý đất dôi dư nhằm khai thác tối đa các nguồn vốn cho việc nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; khẩn trương tiến hành tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở, đồng thời tạo nguồn xây dựng nông thôn mới; có cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; kêu gọi đóng góp của người dân địa phương và con em xa quê,...

Trong những năm tới, thành phố Hưng Yên tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Trước mắt triển khai chỉnh trang các tuyến đường nông thôn kiểu mẫu mà các xã đã đăng ký tự quản với phương châm xanh- sạch - đẹp, duy trì và nhân rộng các tuyến đường hoa kiểu mẫu ở khu vực nông thôn, từ đó hình thành các khu dân cư kiểu mẫu, tiến tới triển khai rộng khắp toàn xã, đồng bộ trong việc xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu; những năm tiếp theo phấn đấu nâng cao chất lượng các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu của tỉnh Hưng Yên.

VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Trung ương

- Tiếp tục có chính sách hỗ trợ ngân sách cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới để duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí.

- Hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 của Chính phủ ; cho vay ưu đãi bằng nguồn vốn tín dụng theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp.

2. Đối với tỉnh Hưng Yên

- Tiếp tục cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới và thành phố Hưng Yên được hưởng chính sách để lại 100% thu từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn tiếp tục hoàn thiện, duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí.

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành có liên quan tạo mọi điều kiện thuận lợi cho thành phố Hưng Yên đẩy nhanh tiến độ đấu giá đất, giao đất, để lại tiền cho các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo hướng giảm thủ tục, thời gian, sớm hoàn trả hoặc ứng trước tiền ngay khi các xã hoàn thành việc đấu giá đất.

Trên đây là báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới tính đến hết năm 2018 của thành phố Hưng Yên. Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xem xét, thẩm tra trình Trung ương công nhận thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Hưng Yên
- VPĐP NTM tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Thành viên BCĐ XDNTM thành phố;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- UBND các phường, xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Doãn Quốc Hoàn